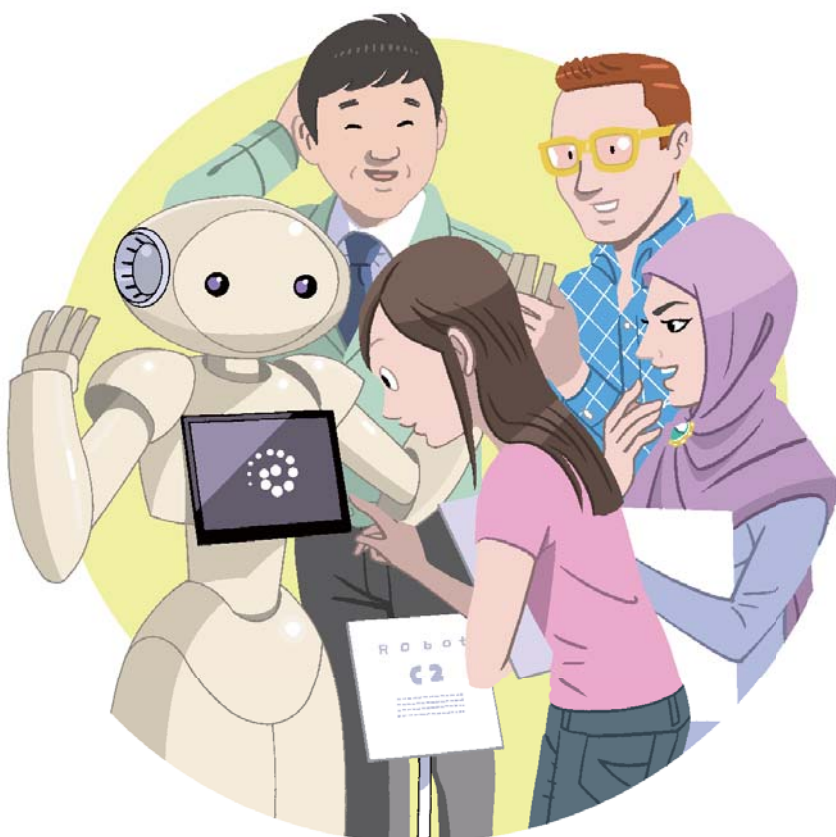


2017-2018
HƯỚNG DẪN
DU HỌC
NHẬT BẢN

Bản tiếng Việt



Independent Administrative Institution
Japan Student Services
Organization



STUDY in JAPAN

SỨC HẤP DẪN CỦA DU HỌC NHẬT BẢN

Chương trình đào tạo chất lượng cao, hấp dẫn

Những năm gần đây, có rất nhiều nhà khoa học Nhật Bản nhận được giải thưởng Nobel trên các lĩnh vực Vật lý, Hóa học, Sinh học, Y học. Du học sinh sẽ được học những ngành khoa học tiên tiến nhất tại Nhật Bản.

Du học sinh không chỉ được học Pháp luật, Kinh tế, Công nghệ, Khoa học tự nhiên mà còn rất nhiều lĩnh vực khác nhau từ lĩnh vực hiện đại như Môi trường, Thông tin, Phòng ngừa thảm họa, Du lịch v.v. đến những lĩnh vực như Truyền tranh, Hoạt hình, Game, Thời trang, Làm bánh kẹo v.v.

Ngoài ra, gần đây số lượng các khóa học bằng tiếng Anh được cấp bằng ngày càng tăng.



Hỗ trợ đầy đủ cho du học sinh

Học phí của các trường đại học Nhật Bản không cao, thêm vào đó chế độ học bổng dành cho du học sinh vô cùng phong phú.



Cơ hội làm việc tại Nhật Bản

Những năm gần đây, số lượng du học sinh làm việc tại Nhật Bản ngày càng tăng, các công ty Nhật cũng tích cực tuyển dụng du học sinh.



Học tập trong môi trường quốc tế

Du học sinh đến từ rất nhiều quốc gia, khu vực trên thế giới đang theo học tại các trường đại học và trường tiếng Nhật của Nhật Bản.

Gần đây, số lượng ký túc xá quốc tế nơi có cả du học sinh và sinh viên người Nhật cùng sinh hoạt ngày càng tăng.

Du học sinh có thể mở rộng tầm hiểu biết của mình nhờ việc tiếp xúc với nền văn hóa đa dạng không chỉ của Nhật Bản mà còn của các nước khác trên thế giới.



MỤC LỤC

Nhật Bản là đất nước như thế nào?	2
Cần chuẩn bị những gì để đi du học Nhật Bản?	3
Hệ thống giáo dục Nhật Bản	4
Hỏi đáp về du học Nhật Bản	6
Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật	8
Đại học (khoa), cao đẳng	10
Học chuyển tiếp, du học ngắn hạn	12
Trường kỹ thuật chuyên nghiệp	13
Trường dạy nghề	14
Sau đại học	16
Khóa học bằng tiếng Anh được cấp bằng	19
Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)	20
Các kỳ thi cần thiết cho du học Nhật Bản	22
Chúng tôi đã hỏi các bạn du học sinh! Lời khuyên dành cho các bạn sắp du học	23
Thủ tục nhập cảnh	24
Học phí	28
Học bổng	30
Chi phí sinh hoạt, giá cả	32
Kinh phí cần chuẩn bị trước khi du học	33
Làm thêm	34
Nhà ở	35
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thiệt hại	36
Thực tập, hoạt động tìm việc	37
Làm việc tại Nhật Bản	38
Thống kê	39
Tập hợp thông tin	40



NHẬT BẢN LÀ ĐẤT NƯỚC NHƯ THẾ NÀO?

- **Diện tích : 377,971km²**

Tính đến thời điểm ngày 1/10/2015.

Nguồn: "Điều tra diện tích các địa phương trên toàn quốc năm 2015" (Viện Thông tin không gian địa lý Nhật Bản)

- **Dân số : 126,985,000 người**

Tính đến thời điểm ngày 1/6/2016.

Nguồn: "Thông kê dân số" (Cục thống kê, Bộ Nội vụ và Truyền thông Nhật Bản)

- **GDP : Đứng thứ 3 thế giới**

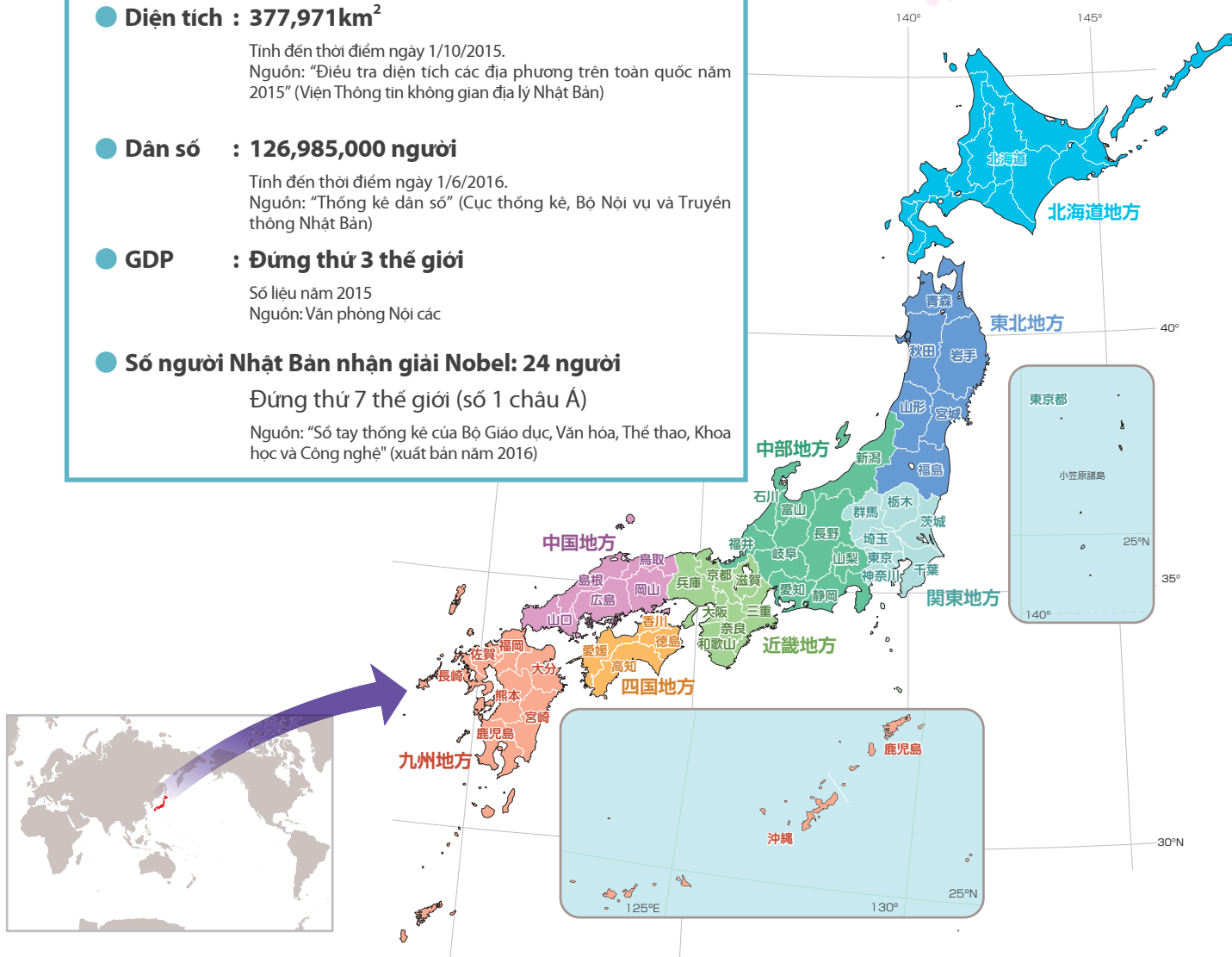
Số liệu năm 2015

Nguồn: Văn phòng Nội các

- **Số người Nhật Bản nhận giải Nobel: 24 người**

Đứng thứ 7 thế giới (số 1 châu Á)

Nguồn: "Sổ tay thống kê của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ" (xuất bản năm 2016)



Giới thiệu Nhật Bản

- Web Japan
<http://web-japan.org/>
- DISCOVER the SPIRIT of JAPAN
<http://www.visitjapan.jp/ja/>
- Cơ quan xúc tiến du lịch Nhật Bản (JNTO)
<http://www.jnto.go.jp/>

CẦN CHUẨN BỊ NHỮNG GÌ ĐỂ ĐI DU HỌC NHẬT BẢN?

<Lịch trình cơ bản: Trường hợp từ nước ngoài đến Nhật>

1	Lập kế hoạch và thu thập thông tin <Trước ~ 12 tháng>	Trang tham khảo
	+ Thu thập thông tin, xác nhận năng lực ngôn ngữ cần thiết	Trang 4-19
	+ Xác nhận kinh phí du học	Trang 28-34
↓		
2	Chọn trường <Trước 12 ~ 6 tháng>	Trang tham khảo
	+ Tìm hiểu tài liệu hướng dẫn về trường, hướng dẫn tuyển sinh, điều kiện nộp hồ sơ + So sánh các trường, chọn trường có nguyện vọng du học	Trang 7 (trang web của JASSO)
↓		
3	Tham dự các kỳ thi bắt buộc <Trước ~ 9 tháng>	Trang tham khảo
	+ Tham dự các kỳ thi cần thiết Ví dụ: + Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) + Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) + TOEFL, IELTS, TOEIC	Trang 20-22
↓		
4	Nộp hồ sơ <Trước 9 ~ 6 tháng>	Trang tham khảo
	+ Chuẩn bị giấy tờ cần nộp + Tiến hành các thủ tục nộp lệ phí thi	Trang 4-18
↓		
5	Tham dự kỳ thi đầu vào riêng của trường <Trước 5 ~ 2 tháng>	Trang tham khảo
	Ví dụ: + Phỏng vấn + Kiểm tra học lực	
↓		
6	Thủ tục nhập học <Trước khoảng 3 ~ 2 tháng>	Trang tham khảo
	+ Nhận giấy thông báo nhập học + Tiến hành các thủ tục nộp lệ phí nhập học	
↓		
7	Chuẩn bị đi du học <Trước 2 ~ 1 tháng>	Trang tham khảo
	+ Xin visa	Trang 24-27
	+ Tìm nhà ở	Trang 35
	+ Mua vé máy bay và bảo hiểm	Trang 36
↓		
8	Nhập học	Trang tham khảo
	+ Sang Nhật + Nộp các giấy tờ nhập học	

Khi đã quyết định trường sẽ học, cần cố gắng thu thập thông tin mới nhất và chính xác nhất. Hãy tập hợp đầy đủ thông tin liên quan tới du học từ tài liệu hướng dẫn này, trang web của JASSO và trong tài liệu hướng dẫn của trường.

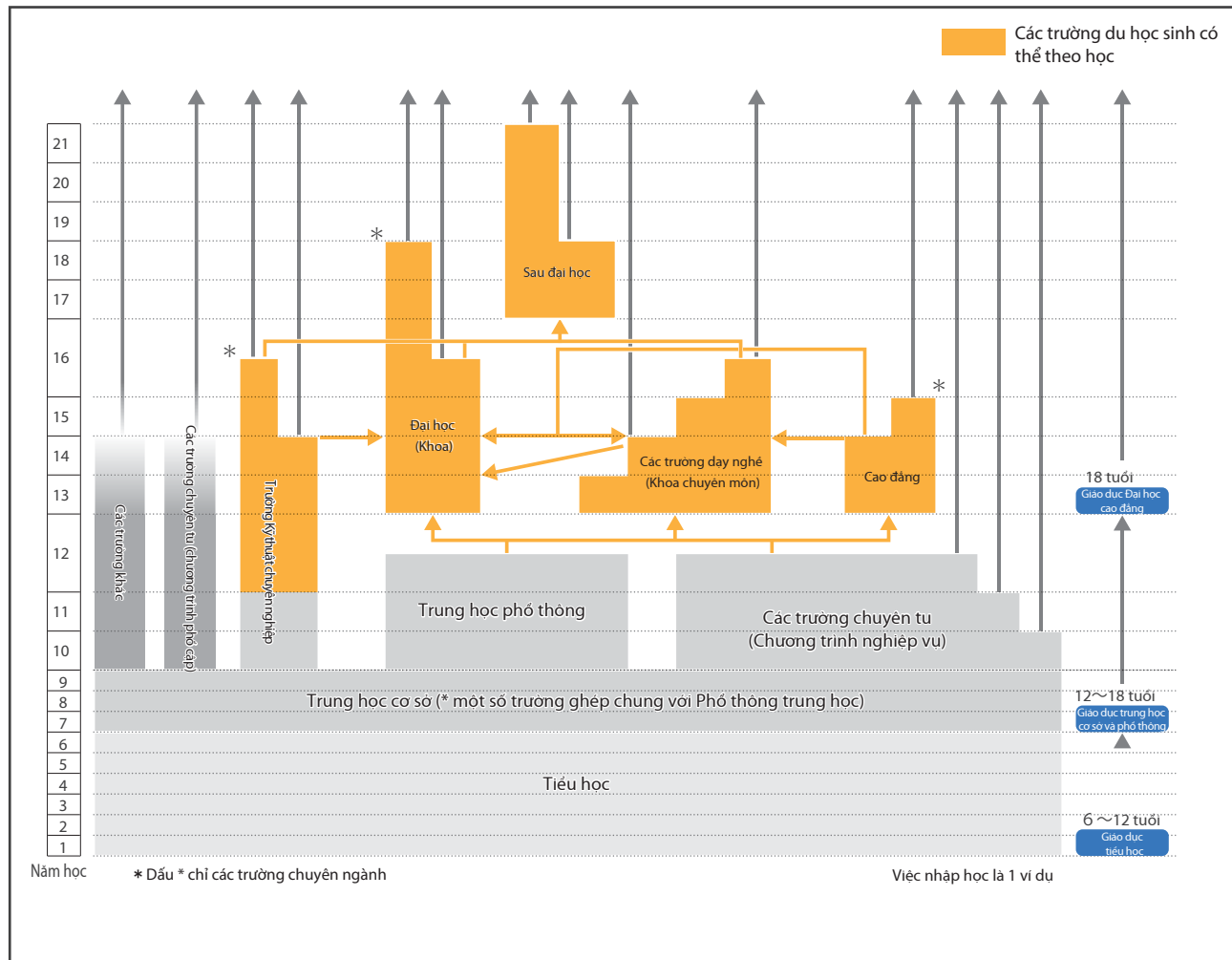


Quy trình từ lúc nộp hồ sơ cho tới lúc nhập học của các trường sẽ khác nhau. Chú ý tìm hiểu kỹ hướng dẫn tuyển sinh của trường để tránh mắc lỗi khi làm thủ tục.



HỆ THỐNG GIÁO DỤC CỦA NHẬT BẢN

Giáo dục sau trung học phổ thông của Nhật Bản bắt đầu sau khi hoàn thành 12 năm học bao gồm giáo dục tiểu học (6 năm) và trung học (trung học cơ sở 3 năm, trung học phổ thông 3 năm). Các cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông mà du học sinh có thể vào học gồm 5 loại: ① Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (高等専門学校), ② Trường dạy nghề (Khóa chuyên môn Trường dạy nghề) (専門学校 (専修学校専門課程)), ③ Cao đẳng (短期大学), ④ Đại học (Khoa) (大学 (学部)), ⑤ Sau đại học (大学院). Tùy vào người, cơ quan thành lập trường, các cơ sở giáo dục được chia thành quốc lập, công lập và tư lập.



Lịch học và các học kỳ

Năm học ở Nhật thường bắt đầu từ tháng 4 hàng năm và kết thúc vào tháng 3 năm sau. Rất nhiều các trường của Nhật áp dụng chế độ semester (chế độ 2 học kỳ), học kỳ đầu từ tháng 4 đến tháng 9, học kỳ sau từ tháng 10 đến tháng 3. Cũng có trường áp dụng chế độ 3 học kỳ và chế độ quarter (chế độ 4 học kỳ).

Q Tôi nghe nói ở Nhật Bản thường nhập học vào tháng 4, nhưng có trường nhập học vào tháng 9 hoặc tháng 10 không?

A Có. Đặc biệt có rất nhiều trường hệ sau đại học nhập học vào tháng 9 hoặc tháng 10.

Q Kỳ nghỉ dài vào thời gian nào?

A Thông thường 1 năm có 3 kỳ nghỉ dài là nghỉ hè (cuối tháng 7 ~ đầu tháng 9), nghỉ đông (cuối tháng 12 ~ đầu tháng 1) và nghỉ xuân (tháng 2 đến tháng 3)

Điều kiện nhập học

Về nguyên tắc, để học tiếp lên đại học (khoa), cao đẳng, trường dạy nghề của Nhật Bản, cần phải hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường chính quy.

Để học chuyển tiếp lên các trường kỹ thuật chuyên nghiệp phải hoàn thành chương trình học 11 năm, để học tiếp lên các trường có hệ sau đại học (khóa học thạc sĩ) phải hoàn thành chương trình học 16 năm.

Trường hợp những học sinh đến từ các nước như Ấn Độ, Nepal, Bangladesh, Malaysia, Mông Cổ...v.v. đã hoàn thành 10 hoặc 11 năm giáo dục tiểu học và giáo dục trung học muốn học tiếp lên đại học của Nhật Bản cần đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đang học năm 1 hoặc năm 2 tại các cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông như khóa đào tạo dự bị trước khi vào học đại học tại nước nhà và sẽ hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường chính quy.
2. Hoàn thành khóa đào tạo dự bị được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định (chỉ áp dụng với những học sinh đã hoàn thành khóa học tương đương với cấp trung học phổ thông của Nhật Bản).

Tuy nhiên, những học sinh đã hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học và giáo dục trung học chưa đủ 12 năm, trong trường hợp đã hoàn thành chương trình học trên 11 năm tại những nước mà Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định thì cho dù chưa hoàn thành khóa đào tạo dự bị vẫn đủ điều kiện nhập học. Hãy hỏi trường bạn có dự định nhập học trong trường hợp bạn không rõ mình có đủ điều kiện nhập học hay không.

Khóa đào tạo dự bị do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định

http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/nihongokyouiku.html

Bằng cấp, học vị đạt được và thời gian đào tạo bắt buộc

	Khóa học	Bằng cấp, học vị đạt được	Thời gian đào tạo bắt buộc tiêu chuẩn
Sau đại học	Khóa học tiến sĩ	Tiến sĩ	5 năm
	Khóa học thạc sĩ	Thạc sĩ	2 năm
	Khóa học lấy bằng chuyên ngành	Thạc sĩ (chuyên ngành)	2 năm
		Tiến sĩ Luật (chuyên ngành)	3 năm
		Tiến sĩ Giáo dục (chuyên ngành)	2 năm
Đại học (Khoa)	Các khoa thông thường, Khoa được khóa 4 năm	Cử nhân	4 năm
	Y khoa, Nha khoa, Thú y, Khoa được khóa 6 năm		6 năm
Cao đẳng	-	Cao đẳng	2 ~ 3 năm
Trường kỹ thuật chuyên nghiệp	-	Trước cử nhân	3 năm (Thương mại hàng hải là 3 năm 6 tháng)
Trường dạy nghề	Khóa học chuyên môn - (Trường dạy nghề)	Chuyên môn	2 năm trở lên
		Chuyên môn cao cấp	4 năm trở lên

* Khóa đào tạo tiến sĩ được chia thành 2 giai đoạn là giai đoạn đầu (2 năm, tương đương với thạc sĩ của Việt Nam) và giai đoạn sau (3 năm, tương đương với tiến sĩ của Việt Nam). Thời gian đào tạo bắt buộc của khóa đào tạo tiến sĩ ngành y học, nha khoa, dược và thú y sau khi hoàn thành đủ 6 năm học bậc đại học là 4 năm.

* Sau khi tốt nghiệp cao đẳng có thể nhận được bằng "cử nhân" nếu học tiếp khóa chuyên ngành (1~2 năm).

* Thông thường, thời gian hoàn thành đào tạo tại các trường kỹ thuật chuyên nghiệp là 5 năm nhưng du học sinh được chấp nhận vào học từ năm thứ 3. Sau khi tốt nghiệp, nếu hoàn thành khóa chuyên ngành (2 năm) có thể nhận được bằng "cử nhân".

* Bằng của các trường Kỹ thuật chuyên nghiệp là "trước cử nhân", của các trường chuyên môn là "bằng chuyên môn", hoặc "bằng chuyên môn cao cấp".

Có thể nhận được bằng "cử nhân" nếu hoàn thành khóa chuyên ngành của trường cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp được Tổ chức hỗ trợ cải cách đại học và cấp học vị (NIAD-QE) công nhận và vượt qua kỳ thi của NIAD-QE. Hãy xác nhận với trường bạn có nguyện vọng theo học để biết thêm thông tin chi tiết.

Tổ chức hỗ trợ cải cách đại học và cấp học vị

<http://www.niad.ac.jp/>

Q. Bằng cấp nhận được tại Nhật có giá trị tại nước khác không?

A. Thông thường, bằng cấp nhận được tại Nhật có giá trị tương đương với bằng cấp nhận được ở các nước khác. Tuy nhiên, tùy theo mỗi quốc gia, có những nơi Bộ giáo dục hoặc Cơ quan thẩm định (Tổ chức phi lợi nhuận, doanh nghiệp tư nhân v.v.) sẽ đánh giá bằng cấp nhận được ở nước ngoài. Bạn nên xác nhận trước với các cơ quan liên quan ở nước mình về vấn đề này.

HỎI ĐÁP VỀ DU HỌC NHẬT BẢN

Q Việc nộp hồ sơ vào các trường đại học và sau đại học bắt đầu từ khi nào?

A Tùy thuộc vào từng trường, thời điểm nộp hồ sơ sẽ khác nhau. Hãy xem kỹ hướng dẫn tuyển sinh của trường để biết thông tin chính xác. Bạn cũng có thể tra thời gian nộp hồ sơ tại trang web của JASSO hoặc JAPAN STUDY SUPPORT.

Q Làm thế nào để tìm hiểu về thủ tục nộp hồ sơ?

A Có rất nhiều trường đăng hướng dẫn tuyển sinh và đơn xin nhập học trên trang web. Bạn hãy thử tra từ khóa “外国人留学生募集要項 (Application Guidebook for International Students)” (Hướng dẫn tuyển sinh dành cho du học sinh nước ngoài), “入学案内 (School Admission Guide)” (Hướng dẫn nhập học) hoặc “受験案内 (Entrance Examination Guide)” (Hướng dẫn dự thi). Với những trường không đăng hướng dẫn tuyển sinh lên trang web của trường, bạn cần liên lạc và nhờ trường gửi hồ sơ cho mình.

Q Mẫu giấy tờ cần nộp của các trường đại học đều giống nhau?

A Tùy từng trường mẫu sẽ khác nhau, do vậy cần nắm rõ hướng dẫn tuyển sinh của trường mình muốn học.

Q Có thể nộp hồ sơ dự thi dành cho người nước ngoài trong trường hợp sau đây không?

1. Học một vài năm ở trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông tại Nhật.
2. Đã tốt nghiệp trung học phổ thông tại Nhật.
3. Mang 2 quốc tịch là quốc tịch Nhật Bản và quốc tịch nước khác.

A Trường bạn đăng ký sẽ đánh giá điều kiện nộp hồ sơ của bạn. Trước khi nộp hồ sơ, hãy liên lạc với trường và xác nhận xem mình có đủ điều kiện nộp hồ sơ hay không. Tùy từng trường, có khả năng bạn phải tham dự kỳ thi đầu vào với chế độ giống hệt sinh viên Nhật Bản.

Q Tôi bị khuyết tật. Tôi có được hỗ trợ khi thi đầu vào và sau khi vào học không?

A Những học sinh khuyết tật sẽ nhận được sự hỗ trợ từ trường để học tại Nhật. Trường hợp mong muốn nhận được sự giúp đỡ khi dự thi hoặc khi vào học do bị bệnh, bị khuyết tật cơ thể, trước khi nộp hồ sơ, hãy thảo luận với trường.

Q Tôi có phải sang Nhật để tham dự kỳ thi đầu vào không?

A Có sự khác nhau tùy từng trường. Có những trường chỉ xét hồ sơ để quyết định đỗ, trượt, có những trường tiến hành phỏng vấn qua internet; nhưng cũng có những trường tổ chức thi tại chính nước của thí sinh. Tuy nhiên, phần lớn các trường tổ chức thi đầu vào tại Nhật.

Q Trình độ tiếng Nhật của tôi cần đạt mức nào để hiểu được nội dung giờ học tại các trường đại học hoặc trường dạy nghề?

A Để theo được giờ học tại các trường, cần đạt trên 200 điểm môn tiếng Nhật trong kỳ thi EJU hoặc năng lực tiếng Nhật trình độ N1, N2 của kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT). Nếu bạn chưa đạt được mức này, hãy học thêm tiếng Nhật tại nước mình hoặc sang Nhật học tại các cơ sở giáo dục tiếng Nhật.

Q Có chương trình nào mà tôi được cấp bằng chỉ bằng các giờ học bằng tiếng Anh không?

A Có. Những chương trình nêu trên ngày càng tăng qua các năm. Tuy nhiên, tại các trường kỹ



thuật chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường dạy nghề không có những khóa học mà giờ học chỉ bằng tiếng Anh.

Q Có bảng xếp hạng các trường đại học không?

A Ở Nhật không có bảng xếp hạng các trường đại học một cách chính thức. Hãy thu thập thông tin, tìm các trường mà bạn có hứng thú hoặc quan tâm bằng cách tham gia Triển lãm du học Nhật Bản hoặc xem trên trang web của JASSO, của các trường.

Q Khi nộp hồ sơ, tại sao cần phải điền vào mục “người bảo lãnh”?

A Lý do cần điền vào mục “người bảo lãnh” khi nộp hồ sơ là “để bảo đảm về mặt kinh tế cho các khoản học phí”, “để không phát sinh vấn đề về thủ tục lưu trú sau khi nhập học”. Ngoài ra, cũng có trường hợp bị yêu cầu ghi rõ người thân cần liên lạc để bên Nhật liên lạc cho gia đình ở nước nhà khi du học sinh ốm đau hay bị tai nạn trong thời gian du học.

Những thông tin sau được đăng tải trên trang web của JASSO:

- Có kỳ thi dành cho người nước ngoài hay không?
- Có thể nộp hồ sơ online hay không?
- Có cho phép nhập học trước khi sang Nhật hay không?
- Thời hạn nộp hồ sơ.
- Khóa học bằng tiếng Anh được cấp bằng.
- Năng lực tiếng Nhật, tiếng Anh cần thiết khi nộp hồ sơ.
- Điểm EJU cần thiết khi nộp hồ sơ.
- Khóa học cho học sinh học chuyển tiếp.
- Chương trình du học ngắn hạn.

http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/index.html



CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TIẾNG NHẬT

Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật là các cơ sở dạy tiếng Nhật cho đối tượng người nước ngoài.

Để giúp sinh viên học tiếp lên, nhiều cơ sở giáo dục tiếng Nhật, ngoài việc luyện cho sinh viên kỹ năng dự thi kỳ thi du học Nhật Bản và kỳ thi năng lực tiếng Nhật, còn tổ chức các lớp luyện riêng cho các môn thi cơ bản trong kỳ thi du học Nhật Bản (ví dụ như môn toán, môn khoa học tự nhiên, môn tổng hợp) và kỳ thi đại học.

Các loại cơ sở giáo dục tiếng Nhật

Trường hợp muốn học tiếng Nhật với mục đích học tiếp lên đại học v.v, bạn có thể học ở các cơ sở giáo dục tiếng Nhật hoặc khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh của các trường đại học, cao đẳng tự lập.

1 Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật

Cơ quan/ tổ chức thành lập: các trường có tư cách pháp nhân (trường dạy nghề và các loại hình trường khác), quỹ lợi ích cộng đồng có tư cách pháp nhân, công ty cổ phần, tổ chức đoàn thể, cá nhân v.v.

- (1) Học tiếng Nhật để học tiếp lên bậc cao hơn.
- (2) Học dự bị tiếng Nhật trước khi vào đại học, sau đại học v.v.
- (3) Học tiếng Nhật ngoài mục đích học lên cao hơn.

Tư cách lưu trú: Du học

Chỉ ở các cơ sở giáo dục tiếng Nhật được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định bạn mới có thể nhận được tư cách lưu trú “Du học”.

Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định (Bộ Tư pháp)

i http://www.moj.go.jp/nyuukokukanri/kouhou/nyukan_nyukanho_ho28-2.html

Tra cứu các cơ sở giáo dục tiếng Nhật (Hiệp hội Chấn hưng Giáo dục tiếng Nhật)

i <http://www.nisshinkyo.org/search/>

2 Các khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh của các trường đại học, cao đẳng tự lập

Tư cách lưu trú: Du học

Khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh “Ryugakusei Bekka” (Preparatory Japanese language program) còn gọi là khóa tiếng Nhật đặc biệt “Nihongo Bekka”, được thành lập ở các trường đại học, cao đẳng tự lập. Bạn sẽ được học tiếng Nhật, văn hóa Nhật Bản, tình hình Nhật Bản và các môn học cơ bản để học tiếp lên đại học. Nếu muốn học tiếp lên đại học, bạn có thể tận dụng chế độ tiến cử vào trường đại học có khóa tiếng Nhật đặc biệt, tuy nhiên bạn cũng có thể thi vào trường đại học khác. Ngoài ra, còn có một ưu điểm nữa là bạn có thể sử dụng thiết bị, dịch vụ trong trường.

Danh sách các khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh của trường đại học, cao đẳng tự lập (JASSO)

i http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/nihongokyouiku.html

Điều kiện nhập học

Trường hợp tham gia các khóa học với mục đích học tiếp lên đại học, cần hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường chính quy (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông).

Trường hợp các trường chính quy (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) đào tạo không đủ 12 năm do chế độ giáo dục của nước đó hoặc trường hợp không hoàn thành các khóa học đã được chỉ định mặc dù đã tốt nghiệp vẫn sẽ không đủ điều kiện vào học tại các trường đại học của Nhật Bản. Trong trường hợp nêu trên, nếu bạn hoàn thành khóa đào tạo dự bị “Junbi Kyouiku Katei” (University preparatory course) do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định và đủ 18 tuổi, bạn vẫn đủ điều kiện nhập học.

Trong khóa đào tạo dự bị, ngoài tiếng Nhật, bạn sẽ học các môn cơ bản cần thiết như tiếng Anh, toán, xã hội, khoa học tự nhiên v.v để vào học tại các trường đại học.

Khóa đào tạo dự bị” do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định (JASSO)

i http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/nihongokyouiku.html

Thời gian nộp hồ sơ, nhập học, các khóa học

Có nhiều trường tuyển sinh khoảng từ 4 tháng đến 6 tháng trước kỳ nhập học và bắt đầu các khóa học vào tháng 4, tháng 10. Thông thường, thời gian các khóa học từ 1~2 năm.

Giấy tờ cần nộp

- ☐ Đơn xin nhập học
- ☐ Sơ yếu lý lịch
- ☐ Bảng điểm trung học phổ thông hoặc đại học
- ☐ Bảng tốt nghiệp (Giấy chứng nhận tốt nghiệp) trung học phổ thông hoặc đại học
- ☐ Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính
- ☐ Giấy tờ khác

Giấy tờ cần nộp sẽ khác nhau tùy từng trường, hãy hỏi trực tiếp để nắm được thông tin chi tiết.



Thi đầu vào

Các trường chú trọng vào việc đánh giá hồ sơ, tuy nhiên cũng có trường tổ chức phỏng vấn thí sinh, người bảo lãnh hoặc tổ chức thi viết.

Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật	Điểm quan trọng khi chọn trường
① Có phải là cơ sở giáo dục do Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định không?	
② Mục đích học là gì?	Giao tiếp hàng ngày? Học lên đại học? Tiếng Nhật thương mại?
③ Tổ chức lớp học	Có tiến hành chia lớp theo trình độ tiếng Nhật của học sinh không? Một lớp có bao nhiêu người?
④ Số lượng học sinh, giáo viên	Quy mô trường? Tỷ lệ học sinh và giáo viên?
⑤ Tỷ lệ học sinh đến từ các nước	Học sinh đến từ các nước sử dụng chữ Hán nhiều không? Có sự quan tâm tới học sinh đến từ các nước không sử dụng chữ Hán không?
⑥ Số giờ học	Tổng số giờ học hoặc số giờ học của từng môn?
⑦ Lớp luyện thi	Có tổ chức ôn thi du học Nhật Bản (EJU) hoặc năng lực tiếng Nhật (JLPT) không? Có giờ học của môn cơ bản (tiếng Anh, toán, khoa học tự nhiên, lịch sử thế giới, địa lý v.v) không?
⑧ Có tư vấn định hướng về học tập hoặc về sinh hoạt không?	
⑨ Nơi học tiếp lên của học sinh tốt nghiệp tại trường như thế nào?	
⑩ Học phí	Số tiền có tương ứng với số giờ học, số lượng giáo viên, trang thiết bị không?
⑪ Thi đầu vào	Chỉ đánh giá hồ sơ? Có phỏng vấn người bảo lãnh hoặc người cần liên lạc tại Nhật không? Có tuyển chọn học sinh ngoài nước Nhật không?
⑫ Địa chỉ của trường	Ở thành phố lớn hay tỉnh lẻ? Có thể thích ứng với khí hậu nơi đó không?
⑬ Nơi ở	Trường có ký túc xá hoặc khu nhà ở dành cho học sinh không? Có tìm giúp phòng trọ không?

Q Tôi không dự định học tiếp lên đại học. Tôi chỉ học tiếng Nhật thương mại ở các cơ sở giáo dục tiếng Nhật được không?

A Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật có rất nhiều khóa học với mục đích học tập khác nhau. Ngoài những khóa học để học lên, còn có các khóa học tiếng Nhật cần thiết trong sinh hoạt hoặc tiếng Nhật thương mại. Nếu muốn biết cụ thể hơn hãy hỏi các trường.

Q Tôi có thể chuyển từ cơ sở giáo dục tiếng Nhật mà đã nhập học sang cơ sở giáo dục tiếng Nhật khác không?

A Về nguyên tắc, không thể chuyển trường giữa các cơ sở giáo dục tiếng Nhật. Hãy xem thông tin trên trang web của trường, tài liệu hướng dẫn về trường, sổ tay giới thiệu trường hoặc hỏi ý kiến những sinh viên đã và đang học tại trường, thu thập thông tin và chọn trường một cách cẩn thận.

ĐẠI HỌC (KHOA), CAO ĐẲNG

Đại học, cao đẳng

Là các cơ sở giáo dục lấy trọng tâm là giáo dục bậc cao, về nguyên tắc trường đại học đào tạo 4 năm, cao đẳng 2 năm. Tùy từng trường sẽ có cơ chế sinh viên dự thính không chính quy, sinh viên tự do lựa chọn môn học. Bên cạnh chế độ du học dài hạn với mục đích lấy bằng, còn có chế độ du học ngắn hạn ngoài mục đích trên.

Tìm hiểu thông tin

Thông tin các trường đại học, cao đẳng (JASSO)

http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

Tra cứu các trường đại học, cao đẳng (JASSO)

https://www.g-studyinjapan.jasso.go.jp/univ_search/

Tra cứu các trường đại học, cao đẳng (JAPAN STUDY SUPPORT)

<http://www.jpss.jp/ja/>

● Hướng dẫn nhập học vào các trường đại học dành cho du học sinh tự phí người nước ngoài
Sách hướng dẫn tập hợp các thông tin cần thiết như nội dung thi đầu vào của các trường đại học, số người đỗ trong kỳ thi dành cho du học sinh v.v.

Biên soạn, phát hành: Hiệp hội Văn hóa Sinh viên châu Á (Phát hành tại Nhật)



Điều kiện nhập học

Cần đáp ứng một trong số các điều kiện sau:

- ① Đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường ngoài nước Nhật.
 - ② Đủ 18 tuổi, đỗ kỳ thi kiểm tra học lực tương đương hoàn thành chương trình học 12 năm ngoài nước Nhật.
 - ③ Đủ 18 tuổi, hoàn thành việc học tại các trường dành cho người nước ngoài đã được chỉ định tại Nhật, tương đương với trường trung học phổ thông ngoài nước Nhật.
 - ④ Đã hoàn thành chương trình học trên 11 năm ngoài nước Nhật, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định.
 - ⑤ Đủ 18 tuổi, có bằng Tú tài quốc tế, bằng Abitur, bằng Tú tài Pháp hoặc trong kì thi GCEA bạn đạt đủ điểm mà trường yêu cầu.
 - ⑥ Đủ 18 tuổi, đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các cơ sở giáo dục được các tổ chức đánh giá quốc tế (WASC, CIS, ACSI) công nhận.
 - ⑦ Đủ 18 tuổi, đỗ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.
 - ⑧ Đáp ứng được một trong các điều kiện nhập học theo luật giáo dục trường học ngoài các điều kiện trên.
 - ⑨ Đủ 18 tuổi, được công nhận có học lực tương đương hoặc cao hơn người đã tốt nghiệp trung học phổ thông theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường.
- ※ Từ ①～③, nếu chương trình học không đủ 12 năm hoặc không hoàn thành khóa học được chỉ định ở nước ngoài, có những trường hợp cần hoàn thành khóa đào tạo dự bị được chỉ định hoặc hoàn thành chương trình học của cơ sở thực tập.

Giấy tờ cần nộp

- ☐ Đơn xin nhập học (Theo mẫu của trường)
- ☐ Bằng tốt nghiệp (Giấy chứng nhận tốt nghiệp) trung học phổ thông
- ☐ Bảng điểm trung học phổ thông
- ☐ Thư tiến cử của Hiệu trưởng hoặc Giáo viên trường trung học phổ thông
- ☐ Giấy chứng nhận năng lực tiếng Nhật hoặc tiếng Anh
- ☐ Giấy tờ khác

Giấy tờ cần nộp sẽ khác nhau tùy từng trường, hãy hỏi trực tiếp để nắm được thông tin chi tiết.



Thi đầu vào

Nhiều trường, ngoài kỳ thi đầu vào dành cho đối tượng là thí sinh người Nhật, còn tổ chức kì thi đầu vào dành cho người nước ngoài (du học sinh). Các trường sẽ đối chiếu các mục dưới đây để tuyển chọn. Tùy từng trường sẽ có cách thức thi tuyển khác nhau, hãy xem kỹ hướng dẫn thi của trường đó.

- ☐ Đánh giá hồ sơ
- ☐ Kiểm tra học lực
- ☐ Phòng vấn
- ☐ Viết tiểu luận, bài văn
- ☐ Kiểm tra tính phù hợp và năng lực khác
- ☐ Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)
- ☐ Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT)
- ☐ Kỳ thi đại học toàn quốc



Tốt nghiệp, hoàn thành khóa học

1 Đại học (Khoa)

Nếu tốt nghiệp đại học và đạt đủ tiêu chuẩn dưới đây sẽ được cấp bằng “Cử nhân”.

	Thời gian đào tạo bắt buộc tiêu chuẩn	Số tín chỉ
Khoa thông thường, Khoa được 4 năm	4 năm	124 tín chỉ trở lên
Khoa Y, Nha khoa, Thú y và Khoa được hệ 6 năm	6 năm	Khoa Y, Nha khoa: 188 tín chỉ trở lên Thú y :182 tín chỉ trở lên Được :186 tín chỉ trở lên

2 Cao đẳng

Nếu tốt nghiệp cao đẳng và đạt đủ tiêu chuẩn dưới đây sẽ được cấp bằng “Cử nhân cao đẳng”.

	Số tín chỉ
Chương trình học 2 năm	62 tín chỉ trở lên
Chương trình học 3 năm	93 tín chỉ trở lên

Đại học, cao đẳng

Điểm quan trọng khi chọn trường

① Nội dung giờ học, nội dung nghiên cứu	Có phải là giờ học mình thực sự muốn học không? Có thể nghiên cứu không?
② Khóa học (Chương trình học)	Có khóa học học cùng người Nhật không? Có khóa học lấy được bằng mà chỉ cần học bằng tiếng Anh không?
③ Trang thiết bị nghiên cứu	Trang thiết bị nghiên cứu có đầy đủ không?
④ Kỳ thi đầu vào	Có chế độ cho phép nhập học trước khi sang Nhật không? Có kỳ thi đặc biệt dành cho du học sinh không?
⑤ Cơ chế hỗ trợ du học sinh	Có giờ học hỗ trợ tiếng Nhật không? Có nhân viên hỗ trợ du học sinh không? Có sinh viên bản xứ hỗ trợ trong học tập và sinh hoạt không? Có hỗ trợ tìm việc không?
⑥ Định hướng của sinh viên sau tốt nghiệp	Học tiếp lên hệ sau đại học? Nơi làm việc?
⑦ Học phí, chi phí cần thiết khác	Năm đầu? Từ năm thứ 2 trở đi? Tổng số tiền tới lúc tốt nghiệp?
⑧ Cấp học bổng	Trường có chế độ học bổng hoặc chế độ miễn, miễn giảm học phí không? Tỷ lệ được nhận? Có thông báo được nhận hay không được nhận hỗ trợ trước khi sang Nhật không?
⑨ Nơi ở	Trường có ký túc xá hoặc khu nhà ở dành cho sinh viên không? Có tìm giúp phòng trọ không?
⑩ Địa chỉ của trường	Trường có môi trường thuận lợi cho học tập và sinh hoạt không? Ở thành phố lớn hay tỉnh lẻ? Có thể thích ứng với khí hậu nơi đó không?

HỌC CHUYỂN TIẾP, DU HỌC NGẮN HẠN

Học chuyển tiếp, học liên thông

Mặc dù có nhiều trường có chế độ học chuyển tiếp, học liên thông nhưng tình hình thực tế có nhiều thay đổi như sau:

- Không phải năm nào cũng thực hiện.
- Không phải tất cả các khoa, các bộ môn đều thực hiện.
- Không nhất thiết sẽ công nhận số năm học đã hoàn thành hoặc số tín chỉ đã đạt được trước đó.

Để học chuyển tiếp, học liên thông vào các trường đại học (khoa) cần đáp ứng một trong số các điều kiện sau:

+ Đã tốt nghiệp trường cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp, người có bằng chuyên môn (người đã tốt nghiệp trường dạy nghề), người đã hoàn thành khoa chuyên môn của trường trung học phổ thông.

+ Sinh viên đã hoàn thành chương trình đại học chính quy năm nhất trở lên và tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu, sinh viên đã tốt nghiệp đại học hệ 4 năm.

Thông tin về chế độ học chuyển tiếp, học liên thông ít hơn so với thông tin về kỳ thi nhập học thông thường. Hãy nhanh chóng hỏi trực tiếp các trường bạn có nguyện vọng học để biết thông tin chi tiết.

Tra cứu các trường đại học có chế độ học chuyển tiếp (JASSO)

i http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

Du học ngắn hạn

+ **“Du học ngắn hạn”** là du học từ khoảng vài tuần đến 1 năm không phải với mục đích nhận bằng cấp. Về giờ học, có trường hợp dạy bằng tiếng Nhật, tiếng Anh hoặc đôi khi cả tiếng Nhật và tiếng Anh. Về hình thức khóa học, có trường hợp được xếp lớp riêng dành cho du học sinh ngắn hạn, nhưng phổ biến hơn cả là tham gia các giờ học trong khoa, bộ môn một cách bình thường. Đối với những sinh viên đã tốt nghiệp đại học, có thể nghiên cứu chuyên môn tại khoa sau đại học từ 6 tháng đến 1 năm với tư cách “nghiên cứu sinh”.

+ **“Du học trao đổi”** là chế độ du học tại các trường đại học có ký hiệp định giao lưu sinh viên. Hãy xác nhận xem trường mình đang theo học có ký kết hiệp định giao lưu với trường đại học của Nhật không. Tín chỉ: Tín chỉ tích lũy ở trường bạn du học thông thường được chấp nhận ở trường bạn đang theo học trong phạm vi hiệp định giao lưu.

Học phí: Thông thường, bạn đóng học phí tại trường mình theo học và được miễn học phí tại trường bạn du học.

Nơi nộp đơn: Trường trong nước đang theo học

+ **Chương trình khác** ngoài “Du học trao đổi” có thể tra cứu trên trang web của JASSO những chương trình mà du học sinh ngoài hiệp định giao lưu sinh viên có thể tham gia.

Tín chỉ: Tùy từng chương trình, có thể tích lũy tín chỉ hoặc không.

Học phí: Thông thường, phải đóng cho trường bạn sẽ du học.

Liên hệ: Trường đại học bạn sẽ du học của Nhật

Tra cứu các trường đại học có chương trình ngắn hạn (JASSO)

i http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

Sinh viên dự thính, sinh viên tự do lựa chọn môn học

Cả hai đều không phải là sinh viên chính quy học với mục đích lấy bằng hay nói cách khác là “sinh viên không chính quy”.

Sinh viên dự thính không thể tích lũy tín chỉ nhưng sinh viên tự do lựa chọn môn học thì có thể. Theo quy định, để có tư cách lưu trú “du học”, cả sinh viên dự thính và sinh viên tự do lựa chọn môn học phải “tham dự số giờ học 1 tuần 10 tiếng trở lên”.

Q Có học bổng dành cho du học ngắn hạn không?

A Có những loại học bổng sau:

+ Học bổng được cấp theo chế độ hỗ trợ du học nước ngoài (tiếp nhận theo hiệp định)

Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO) sẽ cấp học bổng cho sinh viên du học theo hiệp định giao lưu giữa các trường đại học.

Số tiền cấp hàng tháng: 80,000 Yên

Liên hệ: Trường trong nước đang theo học

+ Học bổng chính phủ Nhật Bản (Monbukagakusho) dành cho du học sinh tiếng Nhật và du học sinh nghiên cứu văn hóa Nhật Bản.

Là học bổng dành cho đối tượng sinh viên đang theo học tại các trường đại học (các khoa) và nghiên cứu các lĩnh vực liên quan tới tiếng Nhật, văn hóa Nhật Bản.

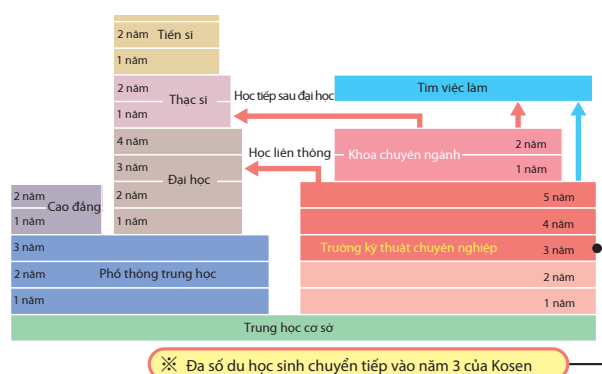
Số tiền cấp hàng tháng: 117,000 Yên

Liên hệ: Cơ quan ngoại giao Nhật Bản gần nhất hoặc trường trong nước đang theo học.

Ngoài những học bổng trên, có trường hợp các trường đại học hoặc tổ chức sẽ cấp học bổng riêng, hãy hỏi trường nơi bạn du học để biết thêm thông tin chi tiết.

Trường Kỹ thuật chuyên nghiệp

Tiến hành đào tạo cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở trong vòng 5 năm (đối với ngành thương mại hàng hải là 5 năm rưỡi). Thông thường, du học sinh nước ngoài sẽ học liên thông vào năm thứ 3. Không chỉ trường quốc lập mà trường công lập và tư lập cũng có KOSEN.



TRƯỜNG DẠY NGHỀ

Trường dạy nghề

Còn được gọi là “trường chuyên môn” là một trong các cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông có các khóa chuyên ngành trong trường dạy nghề. Là cơ sở giáo dục với mục đích nâng cao kiến thức cần thiết cho nghề nghiệp và cuộc sống thực tế, rèn luyện kỹ thuật, kĩ năng và nâng cao trình độ văn hóa.

Tìm hiểu thông tin

Tra cứu trường nghề

(Hiệp hội các trường dạy nghề toàn quốc) <http://www.zensenkaku.gr.jp/association/index.html>
(Hiệp hội các trường dạy nghề Tokyo) <http://www.tsk.or.jp>

Danh sách các Trường dạy nghề tiếp nhận du học sinh (Hiệp hội đào tạo kỹ thuật và đào tạo nghề)
<http://www.sgec.or.jp/ryuugakuguide/>

Đặc thù đào tạo

Trường dạy nghề là trường đào tạo nhân lực quan trọng cho xã hội tại Nhật Bản, những người tốt nghiệp trường dạy nghề được kì vọng là nguồn nhân lực sẽ phát huy được kỹ thuật chuyên môn sâu tại nơi làm việc. Đồng thời, các trường chuyên môn đào tạo nguồn nhân lực cần thiết cho các lĩnh vực được kì vọng phát triển không ngừng trên thị trường thế giới từ văn hóa pop được gọi là “cool japan” như truyện tranh, hoạt hình, game, thời trang v.v. những lĩnh vực thu hút sự chú ý trên toàn thế giới tới các lĩnh vực như năng lượng môi trường, IT, y học và phúc lợi v.v. Ngoài ra, một đặc thù nữa là bất kể sự biến động của kinh tế, tỉ lệ sinh viên có việc làm luôn duy trì ở mức cao.

Năng lực tiếng Nhật cần thiết

Các giờ học ở trường dạy nghề đều dạy bằng tiếng Nhật nên sinh viên phải có năng lực tiếng Nhật.

Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- ① Đã học tiếng Nhật 6 tháng trở lên tại cơ sở giáo dục tiếng Nhật được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định.
- ② Đã đỗ N1 hoặc N2 trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) do Quỹ hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản (Japan Educational Exchanges and Services) và Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation) tổ chức.
- ③ Đã từng học trên 1 năm tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông của Nhật.
- ④ Đạt 200 điểm trở lên (tổng điểm môn tiếng Nhật (đọc hiểu, nghe hiểu và nghe đọc hiểu) trong kỳ thi du học Nhật Bản (EJU).
- ⑤ Đạt 400 điểm trở lên trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật thương mại BJT do Hiệp hội kiểm tra năng lực chữ Hán tổ chức.

Điều kiện nhập học

Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- ① Đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường ngoài nước Nhật.
 - ② Đủ 18 tuổi, đủ kỳ thi kiểm tra học lực tương đương hoàn thành chương trình học 12 năm ngoài nước Nhật.
 - ③ Đủ 18 tuổi, hoàn thành việc học tại các trường dành cho người nước ngoài đã được chỉ định tại Nhật, tương đương với trường trung học phổ thông ngoài nước Nhật.
 - ④ Đã hoàn thành chương trình học trên 11 năm ngoài nước Nhật, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định.
 - ⑤ Đủ 18 tuổi, có bằng Tú tài quốc tế, bằng Abitur, bằng Tú tài Pháp.
 - ⑥ Đủ 18 tuổi, đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các cơ sở giáo dục được các tổ chức đánh giá quốc tế (WASC, CIS, ACSI) công nhận.
 - ⑦ Đủ 18 tuổi, đủ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.
 - ⑧ Đủ 18 tuổi, được công nhận có học lực tương đương hoặc cao hơn người đã tốt nghiệp trung học phổ thông theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường.
 - ⑨ Đáp ứng được một trong các điều kiện nhập học theo luật giáo dục ngoài các điều kiện trên.
- ※ Từ ①—③, nếu chương trình học không đủ 12 năm cần hoàn thành khóa đào tạo dự bị được chỉ định hoặc hoàn thành chương trình học của cơ sở thực tập.

Giấy tờ cần nộp

- ☐ Đơn xin nhập học (theo mẫu của trường)
- ☐ Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông
- ☐ Bảng điểm cấp học cao nhất
- ☐ Giấy điểm danh của cơ sở giáo dục tiếng Nhật, bảng điểm (trường hợp sống ở Nhật)
- ☐ Giấy chứng nhận năng lực tiếng Nhật (trường hợp sống ở ngoài nước Nhật)
- ☐ Giấy tờ khác

Giấy tờ cần nộp sẽ khác nhau tùy từng trường, hãy hỏi trực tiếp để nắm được thông tin chi tiết.



Thi đầu vào

Tổ chức kết hợp nhiều hình thức thi như đánh giá hồ sơ, kiểm tra học lực, phỏng vấn, viết văn, kiểm tra năng khiếu, kiểm tra kĩ năng thực tế, thi tiếng Nhật v.v.

Thi đầu vào tập trung đánh giá các yếu tố

Thi đầu vào tập trung đánh giá các yếu tố sau (1) Mục đích vào học (2) Có năng lực tiếng Nhật và học lực để theo học sau khi vào học không (3) Có ý muốn học tập không.

	Bằng chuyên ngành	Bằng chuyên ngành cao cấp
Số năm bắt buộc hoàn thành	2 năm trở lên	4 năm trở lên
Số giờ học	1,700 tiếng trở lên	3,400 tiếng trở lên
Chứng nhận hoàn thành khóa học	Đánh giá thành tích thông qua các kỳ thi để chứng nhận hoàn thành khóa học	
Tổ chức khóa học	Khóa đào tạo được tổ chức một cách có hệ thống	

Để tốt nghiệp, hoàn thành khóa học cần đáp ứng các điều kiện trên, và sau khi hoàn thành các khóa chuyên ngành được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ công nhận sẽ được cấp bằng "chuyên môn" hoặc bằng "chuyên môn cao cấp". Có những trường đại học cho phép sinh viên có bằng "chuyên môn" có thể học liên thông lên đại học, bằng "chuyên môn cấp cao" có thể học liên thông lên sau đại học, hãy xác nhận với trường mình định theo học để biết rõ hơn.

Nhiều khoa tiếng Nhật được thành lập trong trường dạy nghề được coi là cơ sở giáo dục tiếng Nhật. Hãy xác nhận với trường xem khóa học nào có thể nhận được bằng "chuyên môn".

Trường dạy nghề	Điểm quan trọng khi chọn trường
① Trường được cấp phép chính thức	Là trường được tỉnh trưởng cấp phép hoạt động không? Nếu là trường không được cấp phép, sẽ không lấy được bằng "chuyên môn".
② Nội dung đào tạo, số lượng giáo viên	Chương trình đào tạo thế nào? Tỷ lệ giáo viên và học sinh?
③ Cơ sở vật chất, thiết bị	Có trang bị cơ sở vật chất và trang thiết bị để thực hành về mặt kỹ thuật không? Hãy xác thực thông qua hình ảnh và tài liệu.
④ Hướng dẫn tìm việc, định hướng cho sinh viên sau tốt nghiệp	Phương châm hướng dẫn tìm việc? Nơi làm việc của sinh viên sau tốt nghiệp?
⑤ Học phí	Năm đầu? Tổng số tiền tới lúc tốt nghiệp? Khi nào đóng học phí?
⑥ Đánh giá của mọi người	Hãy sử dụng mạng lưới liên lạc của sinh viên đã tốt nghiệp và du học sinh để hỏi.



SAU ĐẠI HỌC

Tìm hiểu thông tin

Thông tin Sau đại học (JASSO)

http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

Tra cứu các trường Sau đại học (JAPAN STUDY SUPPORT)

<http://www.jpss.jp/ja/>

Điều kiện nhập học

Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

1 Khóa học Thạc sĩ, Tiến sĩ (Giai đoạn đầu/ Kỳ đầu)

- ① Đã tốt nghiệp đại học ở Nhật.
- ② Nhận được bằng cử nhân do Tổ chức hỗ trợ cải cách đại học và cấp học vị (NIAD-QE) cấp.
- ③ Đã hoàn thành chương trình học 16 năm ngoài nước Nhật.
- ④ Nhận được bằng tương đương với bằng cử nhân do đã hoàn thành khóa học 3 năm trở lên tại các trường đại học ngoài nước Nhật.
- ⑤ Đã hoàn thành chương trình học 16 năm tại các cơ sở giáo dục được chỉ định có khóa học đại học ở Nhật Bản.
- ⑥ Đã tốt nghiệp trường dạy nghề được chỉ định.
- ⑦ Đủ 22 tuổi, được công nhận có học lực tương đương hoặc cao hơn người đã tốt nghiệp đại học theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường Sau đại học.

2 Khóa học Tiến sĩ (Giai đoạn sau/ Kỳ sau)

- ① Có bằng Thạc sĩ hoặc bằng chuyên môn nghề của Nhật.
- ② Nhận được bằng tương đương với bằng Thạc sĩ hoặc bằng nghề chuyên môn ở ngoài nước Nhật.
- ③ Đã hoàn thành chương trình học được chỉ định là chương trình sau đại học ngoài nước Nhật, nhận được bằng tương đương với bằng Thạc sĩ hoặc bằng nghề chuyên môn tại nước Nhật.
- ④ Đã tốt nghiệp đại học, có trên 2 năm nghiên cứu tại các trường đại học, trung tâm nghiên cứu (bao gồm cả đại học, trung tâm nghiên cứu ngoài nước Nhật), là người được công nhận có học lực tương đương hoặc cao hơn người có bằng Thạc sĩ, bằng chuyên môn.
- ⑤ Đã đủ 24 tuổi, được công nhận có học lực tương đương hoặc cao hơn người có bằng Thạc sĩ hoặc bằng nghề chuyên môn theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường Sau đại học.

3 Khóa học Tiến sĩ (Y khoa, Nha khoa, một phần khóa học Dược, Thú y)

Hãy liên hệ với các trường trước khi nộp hồ sơ vào các khóa học Y khoa, Nha khoa, một phần khóa học Dược, Thú y.

Giấy tờ cần nộp

- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Đơn xin nhập học (Theo mẫu của trường) | <input type="checkbox"/> Thư tiến cử |
| <input type="checkbox"/> Bằng tốt nghiệp (Giấy chứng nhận tốt nghiệp) | <input type="checkbox"/> Luận văn nghiên cứu (Luận văn tốt nghiệp) tại trường đã theo học Đại học (Khoa) và bản tóm tắt luận văn |
| <input type="checkbox"/> Bằng (Giấy chứng nhận) Thạc sĩ (Trường hợp Khóa học Tiến sĩ) | <input type="checkbox"/> Bản kế hoạch nghiên cứu |
| <input type="checkbox"/> Bảng điểm của cấp học cao nhất | <input type="checkbox"/> Giấy tờ khác |

Giấy tờ cần nộp sẽ khác nhau tùy từng trường, hãy hỏi trực tiếp để nắm được thông tin chi tiết.

Thời gian nộp hồ sơ

Hầu hết các trường tuyển sinh từ mùa hè đến tháng 10, tháng 11, tuy nhiên cũng có trường tuyển sinh từ tháng 1 đến tháng 3. Thời gian nhập học cho hai đợt tuyển sinh trên thường vào tháng 4. Cũng có trường nhập học vào tháng 9 hoặc tháng 10.

Thi đầu vào

Các trường căn cứ các tiêu chí dưới đây để tuyển chọn. Tùy từng trường sẽ có cách thức thi tuyển khác nhau, hãy xem kỹ trên trang web của trường.

- Đánh giá hồ sơ
- Kiểm tra học lực
- Phỏng vấn
- Viết tiểu luận, bài văn
- Kiểm tra tính phù hợp và năng lực khác
- Thi vấn đáp đối với các môn chuyên ngành

Giáo sư hướng dẫn

Giáo sư hướng dẫn là người sẽ hướng dẫn kế hoạch chọn môn, hướng dẫn nghiên cứu, do đó về cơ bản phải tự tìm giáo sư hướng dẫn. Có trường yêu cầu tìm giáo sư hướng dẫn trước khi nộp hồ sơ rồi sau đó mới đồng ý tiếp nhận.

< Cách tìm giáo sư hướng dẫn >

- Nhờ giáo sư hướng dẫn của trường nơi bạn đã theo học giới thiệu giúp
- Tìm thông tin trên báo, thông tin từ cựu du học sinh tại Nhật Bản, các nhà nghiên cứu tại nước mình
- Tìm thông tin trên các trang web

Tra cứu nhà nghiên cứu

- researchmap  <http://researchmap.jp/search/>
- J-GLOBAL  <http://jglobal.jst.go.jp/>

< Trường hợp liên lạc với giáo sư hướng dẫn >

Bạn cần viết rõ ràng, cụ thể thành quả nghiên cứu, kế hoạch nghiên cứu của mình và lý do chọn giáo sư đó, nếu có thêm thư tiến cử của giáo sư hướng dẫn của trường nơi bạn đã theo học là tốt nhất. Vì giáo sư chỉ có thể đánh giá năng lực của bạn dựa trên các giấy tờ nên bạn cần trao đổi với giáo sư nhiều lần, để cho họ thấy được sự nhiệt huyết của bạn.

Bản kế hoạch nghiên cứu

Bản kế hoạch nghiên cứu là bản ghi rõ đề tài và cách thức nghiên cứu như thế nào. Hầu hết các trường Sau đại học đều yêu cầu nộp bản kế hoạch nghiên cứu. Nội dung bản kế hoạch nghiên cứu sẽ là mục đích, bối cảnh, ý nghĩa của đề tài, phương pháp nghiên cứu, tài liệu tham khảo. Hình thức và số chữ được quy định khác nhau tùy từng trường. Về cơ bản, khoảng 2000 chữ. Để viết bản kế hoạch nghiên cứu điều quan trọng là phải tìm kiếm luận văn liên quan tới lĩnh vực mà mình muốn nghiên cứu, những nghiên cứu đó đã tiến hành đến đâu, vấn đề còn lại là gì.

Tra cứu luận văn

- CiNii Articles  <http://ci.nii.ac.jp/>
- Article Search Cross  <https://qross.atlas.jp/top>



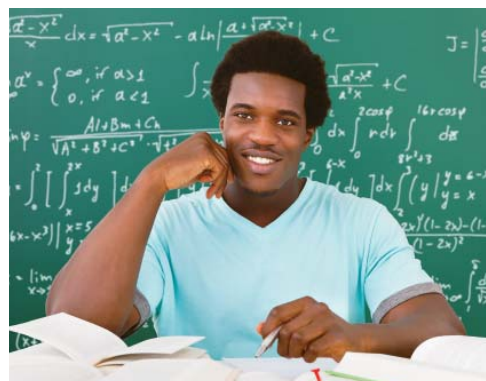
● Phương pháp viết bản kế hoạch nghiên cứu thực tế

Bạn có thể học được cách viết bản kế hoạch nghiên cứu hoặc những điều cần chuẩn bị cho kỳ thi vấn đáp.

Tác giả : JASSO

Phát hành: Công ty TNHH Bonjin

(Phát hành tại Nhật)



SINH VIÊN NGHIÊN CỨU/ “NGHIÊN CỨU SINH” (Research student)

Sinh viên nghiên cứu (âm Hán Việt là “Nghiên cứu sinh”) là những sinh viên không chính quy như dưới đây:

- ① Là người theo học để nghiên cứu trong thời gian ngắn không với mục đích lấy bằng.
- ② Là người theo học với tư cách là sinh viên du học ngắn hạn dựa trên hiệp định giao lưu giữa các trường đại học.
- ③ Là người theo học trong thời gian chuẩn bị nhập học khóa chính quy Sau đại học.

Nhiều trường cho phép nhập học chỉ thông qua đánh giá hồ sơ.

Sinh viên nghiên cứu “Nghiên cứu sinh” muốn nhận được tư cách lưu trú “du học” cần tham gia giờ học ít nhất 10 giờ 1 tuần.

Nếu muốn học tiếp lên các khóa chính quy Sau đại học, có những trường yêu cầu phải dự thi trực tiếp, nhưng cũng có trường mong muốn bạn học tiếp lên các khóa chính quy Sau đại học sau khi kết thúc khóa “nghiên cứu sinh”.

Chuyên ngành Sau đại học

Là khóa đào tạo hướng tới việc bồi dưỡng những chuyên gia có năng lực chuyên môn cao, có thể trở thành nhà lãnh đạo trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Có những nghề chuyên môn sau đại học tiêu biểu như: Hệ sau đại học khoa luật đào tạo chuyên gia luật, hệ sau đại học đào tạo giáo viên, ngoài ra còn có hệ sau đại học trong các lĩnh vực như thương mại và MOT, kế toán, chính sách công v.v. Có cả khóa MBA học bằng tiếng Anh.

Hoàn thành khóa học

Khóa học	Học vị	Thời gian đào tạo bắt buộc tiêu chuẩn	Số tín chỉ	Khác
Khóa học Tiến sĩ	Tiến sĩ	5 năm	30 tín chỉ trở lên (bao gồm số tín chỉ tích lũy ở khóa học Thạc sĩ)	Đánh giá luận văn Tiến sĩ và đồ trong kì thi
Khóa học Thạc sĩ	Thạc sĩ	2 năm	30 tín chỉ trở lên	Đánh giá luận văn Thạc sĩ và đồ trong kì thi
Khóa cấp bằng chuyên ngành	Thạc sĩ (chuyên ngành)	2 năm	30 tín chỉ trở lên (số tín chỉ hệ sau đại học ngành luật và số tín chỉ hệ sau đại học ngành giáo dục khác nhau)	
	Tiến sĩ luật (chuyên ngành)	3 năm		
	Thạc sĩ giáo dục (chuyên ngành)	2 năm		

* Có trường hợp khóa học tiến sĩ sau đại học được chia làm 2 giai đoạn là giai đoạn đầu (2 năm) và giai đoạn sau (3 năm).

* Ngành Y khoa, nha khoa đào tạo 6 năm và ngành dược, thú y hệ 6 năm cần 4 năm đào tạo bắt buộc cho khóa học Tiến sĩ.



KHÓA HỌC BẰNG TIẾNG ANH ĐƯỢC CẤP BẰNG

Tìm hiểu thông tin

Chương trình có thể nhận bằng chỉ với giờ học tiếng Anh
 Những chương trình không yêu cầu năng lực tiếng Nhật khi nhập học (JASSO)
 ⓘ http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html
 Tra cứu thông tin trường đại học, cao đẳng (JAPAN STUDY SUPPORT)
 ⓘ <http://www.jpss.jp/ja/>

Những chương trình không yêu cầu năng lực tiếng Nhật khi nhập học có những hình thức sau:

- Chương trình nhận bằng chỉ với giờ học tiếng Anh
- Chương trình không yêu cầu năng lực tiếng Nhật trong kỳ thi nhập học, bạn học bằng tiếng Anh và trong các năm sau bạn sẽ tham dự các giờ học cần năng lực tiếng Nhật.

Tại các trường đại học hoặc sau đại học, có chương trình nhận bằng chỉ với các giờ học bằng tiếng Anh, tuy nhiên tại các trường kỹ thuật chuyên nghiệp hay trường dạy nghề, không có chương trình tiếng Anh được cấp bằng “tiền cử nhân” hay “chuyên môn” với những giờ học bằng tiếng Anh.
 Chương trình tiếng Anh có tên là “Degree program in English”, “Degree program for International Students” hoặc “English-based Degree Programs”.

Q Phương pháp tuyển chọn như thế nào?

A Có nhiều trường quyết định đỗ, trượt thông qua đánh giá hồ sơ và phỏng vấn. Ngoài phỏng vấn tại nước, khu vực bạn đang sinh sống, có trường sẽ phỏng vấn online như videochat v.v.

Q Để nộp hồ sơ, có cần tham dự kỳ thi đặc biệt không?

A Có nhiều trường yêu cầu bạn có chứng chỉ năng lực tiếng Anh (bảng điểm của các kỳ thi phổ biến như TOEFL, IELTS), bản chứng nhận năng lực học tập (hệ đại học cần bảng điểm của kỳ thi du học Nhật Bản (EJU), Scholastic Assessment Test (SAT), bảng điểm tốt nghiệp trung học phổ thông).

Q Trình độ tiếng Anh ở mức nào?

A Tùy từng trường sẽ khác nhau nhưng hầu hết các trường yêu cầu trình độ như sau khi nộp hồ sơ.

	TOEFL iBT	IELTS
Sau đại học	75-80	6
Đại học	71-80	5.5-6

Q Sau khi nhập học, có thể tham dự giờ học tiếng Nhật không?

A Tùy từng trường sẽ có chương trình đào tạo tiếng Nhật cho du học sinh. Tuy nhiên, cũng có trường hợp số tín chỉ đó được chấp nhận hoặc không. Ngoài ra, đôi khi cần đóng phí nghe giảng riêng.

KỠ THI DU HOC NHẬT BẢN (EJU)

Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) là kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Nhật và trình độ kiến thức cơ bản (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, toán học) của những người có nguyện vọng du học đại học (khoa) của Nhật Bản.

Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) (JASSO)

http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/



Hơn nửa số trường đại học của Nhật (hầu như toàn bộ đại học quốc lập) sử dụng kết quả EJU để tuyển chọn sinh viên nhập học.

Số lượng các trường sử dụng kết quả kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)

Đại học	431 trường
Cao đẳng	84 trường
Sau đại học	54 trường
Trường kỹ thuật chuyên nghiệp	51 trường
Trường dạy nghề	122 trường
Tổng cộng	742 trường

(Tính đến thời điểm tháng 1 năm 2017)

Các trường sử dụng kết quả kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) trong kỳ thi đầu vào

http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/use/

Thời gian thi

Tháng 6 (lần 1), tháng 11 (lần 2)

Địa điểm thi

Tại Nhật Bản: 16 thành phố

Ngoài nước Nhật: 17 thành phố thuộc 14 quốc gia, khu vực



Những thành phố (ngoài nước Nhật) tổ chức thi EJU.
Vladivostok, Ulaanbaatar, Kuala Lumpur, Colombo, Jakarta, Singapore, Surabaya, Seoul, Đài Bắc, New Delhi, Hà Nội, Bangkok, Busan, Tp. Hồ Chí Minh, Hong Kong, Manila, Yangon.

Môn thi

Lựa chọn môn thi theo yêu cầu của trường.

Thí sinh không thể cùng lúc chọn thi môn khoa học tự nhiên và môn khoa học xã hội.

Môn thi	Mục đích	Thời gian	Biên độ điểm	Chọn môn	Ngôn ngữ thi
Tiếng Nhật	Đánh giá trình độ tiếng Nhật (Tiếng Nhật hàn lâm) cần có để học tập hoặc nghiên cứu tại các trường đại học của Nhật.	125 phút	Đọc hiểu, Nghe hiểu và nghe đọc hiểu 0~400 điểm		Chỉ bằng tiếng Nhật
			Viết 0~50 điểm		
Học lực cơ bản	Khoa học tự nhiên Đánh giá trình độ kiến thức cơ bản về các môn khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, Sinh học) cần thiết để học tại các ngành thuộc khối khoa học tự nhiên trong các trường đại học của Nhật.	80 phút	0~200 điểm	Chọn 2 môn trong số các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học	Tiếng Nhật hoặc tiếng Anh (lựa chọn)
	Khoa học xã hội Đánh giá học lực cơ bản đối với môn khoa học xã hội đặc biệt là khả năng tư duy và lý luận cần thiết để học tại các trường đại học của Nhật.	80 phút	0~200 điểm		
	Toán học Đánh giá trình độ kiến thức cơ bản về môn toán cần thiết để học tại các trường đại học của Nhật.	80 phút	0~200 điểm	Chọn 1 trong 2 chương trình, chương trình 1 (khoa học xã hội và khoa học tự nhiên sử dụng ít toán), chương trình 2 (sử dụng nhiều toán)	

Lịch trình

		Lần 1	Lần 2	
①	Nộp hồ sơ	Tháng 2~3	Tháng 7	Thí sinh mua “Hướng dẫn dự thi”, nộp lệ phí thi và hồ sơ. ※ Thời gian nộp hồ sơ có thay đổi theo từng năm, hãy xác nhận kỹ.
②	Nhận phiếu dự thi	Tháng 5	Tháng 10	Gửi phiếu dự thi
③	Ngày thi	Tháng 6	Tháng 11	Dự thi
④	Nhận giấy báo kết quả	Tháng 7	Tháng 12	Gửi giấy báo kết quả. JASSO sẽ cung cấp cho trường mà thí sinh nộp hồ sơ kết quả thi để đối chiếu.

Đặc thù của EJU

① Có chế độ đăng ký nhận học bổng.

Những du học sinh tự phí có kết quả thi EJU xuất sắc sẽ vào học chính thức tại các trường đại học (khoa), cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp (từ năm 3 trở đi) hoặc trường dạy nghề đều có thể đăng ký nhận học bổng của JASSO (học bổng khuyến khích học tập dành cho du học sinh nước ngoài của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (chế độ đăng ký chương trình xúc tiến tiếp nhận du học sinh).

Số tiền: 48,000 yên / 1 tháng (Năm 2017)

Cách thức đăng ký: Khoanh tròn vào ô đăng ký nhận học bổng trong “Đơn dự thi” khi nộp hồ sơ thi EJU.

Phương thức tuyển chọn: Tuyển chọn thí sinh có thành tích xuất sắc trong kỳ thi EJU

i http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/scholarships/shoureihi/yoyakuseido/

② Không giới hạn số lần thi và độ tuổi! Thời gian có hiệu lực của kết quả thi là 2 năm.

Bạn có thể dự thi EJU bao nhiêu lần cũng được. Không bị giới hạn về độ tuổi. Thời gian có hiệu lực của kết quả thi là 2 năm (có thể sử dụng kết quả tối đa 4 lần) nhưng chỉ có thể nộp 1 lần kết quả cho 1 trường. Nhiều trường sẽ chỉ định thời gian phải dự thi, cho nên cần xem kỹ hướng dẫn tuyển sinh của trường đó.

Ví dụ: Hướng dẫn tuyển sinh của trường đại học A (Chỉ định môn thi EJU)

Khoa	Tiếng Nhật	Khoa học xã hội	Toán học	Khoa học tự nhiên				Ngôn ngữ thi đánh giá học lực cơ bản	Hiệu lực của kết quả
				Vật lý	Hóa học	Sinh học	Chọn môn		
Khoa Luật	○	○	Chương trình 1					Tiếng Nhật	Đợt thi tháng 6, tháng 11 năm 2017
Khoa Công nghệ			Chương trình 2	○			Tự chọn 1 môn khác	Tiếng Anh	Đợt thi tháng 6 năm 2017

③ Có thể nhập học trước khi sang Nhật: Được cho phép nhập học ngay tại nước, khu vực của bạn mà không cần sang Nhật.

Số trường sử dụng kết quả thi EJU và cho phép nhập học trước khi sang Nhật (khoảng 140 trường)

i http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/prearrival/

Đề thi EJU các năm trước

Mẫu đề thi các năm trước của kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)

i http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/pastpaper_sample.html



● Đề thi kỳ thi du học Nhật Bản EJU có kèm CD nghe hiểu, nghe đọc hiểu

Đề thi EJU của các năm

Biên soạn, biên tập: JASSO

Phát hành: Bonjinsha Co., Ltd

(Phát hành tại Nhật Bản và Hàn Quốc)



Liên hệ

〈Dự thi ở ngoài nước Nhật〉 **i** http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/contact/

(Cơ quan hợp tác tổ chức thi tại nước ngoài)

〈Dự thi trong nước Nhật〉 Trung tâm tiếp nhận kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) Tel: 0570-55-0585 Email: eju@sdj.co.jp

※ Điện thoại quốc tế tới Nhật Bản Tel: +81-42-649-9571

NHỮNG KỲ THI CẦN THIẾT KHI DU HỌC NHẬT BẢN

Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT)

Là kỳ thi được tổ chức với mục đích đánh giá và cấp chứng chỉ năng lực tiếng Nhật cho những người có tiếng mẹ đẻ khác tiếng Nhật. Kỳ thi được tổ chức vào tháng 7 và tháng 12 ở cả trong và ngoài nước Nhật.

① Thi tại Nhật Bản

Quý hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản (JEES) Phòng Phổ cập Giáo dục Tiếng Nhật

TEL : (+81)3-6686-2974

(Trung tâm tiếp nhận thi năng lực tiếng Nhật / Ngày thường: 9:30~17:30)

 <http://info.jees-jlpt.jp/>

② Thi ngoài nước Nhật

Quý giao lưu quốc tế Trung tâm thi tiếng Nhật

TEL: (+81) 3-5367-1021

 <http://www.jlpt.jp/>

Kỳ thi năng lực tiếng Nhật thương mại BJT

Là kỳ thi đánh giá năng lực giao tiếp tiếng Nhật cần thiết trong môi trường thương mại.

Hiệp hội kiểm tra năng lực chữ Hán

TEL : 0120-509-315 (Chỉ trong nước Nhật)

Email : bjt@kanken.or.jp

 <http://www.kanken.or.jp/bjt/>

Kỳ thi đại học toàn quốc

Là kỳ thi được tổ chức dành cho sinh viên Nhật Bản khi thi vào các trường đại học quốc lập, công lập, tư lập hoặc một số trường đại học (khoa) tư lập. Đối với du học sinh nước ngoài, đa số các trường đại học không yêu cầu phải tham dự kỳ thi này, tuy nhiên một số khoa của một số trường đại học (chủ yếu là Y khoa, Nha khoa) sẽ yêu cầu dự thi.

Trung tâm tổ chức thi đại học toàn quốc

 <http://www.dnc.ac.jp/>

Những kỳ thi cần thiết khác khi du học Nhật Bản

- Kỳ thi chứng nhận năng lực tiếng Anh: TOEFL, IELTS, TOEIC, Đánh giá kỹ năng tiếng Anh thực tế (Kiểm tra tiếng Anh)
- Kỳ thi chứng nhận học lực sau khi hoàn thành giáo dục phổ thông: Scholastic Assessment Test (SAT), American College Test (ACT), International Baccalaureate Exams, kết quả thi đại học tại nước mình

Hãy xem kỹ hướng dẫn tuyển sinh của trường bạn có nguyện vọng theo học và tham dự kỳ thi được yêu cầu.

CHÚNG TÔI ĐÃ HỎI DU HỌC SINH!

~Lời khuyên dành cho các bạn sắp du học~

Tôi cảm thấy có sự khác biệt rất lớn về ngôn ngữ và văn hóa của Nhật Bản với đất nước mình. Người Nhật rất nghiêm ngặt về thời gian nên tôi nghĩ cần phải đến sớm trước 5 phút trước mỗi cuộc hẹn.

Chung loại hàng hóa trong “cửa hàng 100 yên” của Nhật nhiều đến mức đáng kinh ngạc. Các bạn hãy thử nhé!

Có những nước việc tip là đương nhiên nhưng ở Nhật thì không cần.

Ở Nhật Bản, việc trả bằng tiền mặt phổ biến hơn cả, có những cửa hàng sẽ không chấp nhận các hình thức thanh toán khác ngoài tiền mặt. Việc sinh hoạt chỉ bằng thẻ tín dụng sẽ rất khó.

Tàu điện luôn đến đúng giờ. Ở nước tôi, tàu điện trễ giờ là điều đương nhiên, nhưng các phương tiện giao thông công cộng ở Nhật chính xác về mặt thời gian đến mức đáng ngạc nhiên.

Ví và smartphone bị rơi đều được trả lại nguyên vẹn! Tôi thực sự cảm động trước đức tính trung thực nhất được đó rơi mang nọp cho đồn cảnh sát của người dân Nhật Bản.



Việc mua mới toàn bộ các thiết bị điện gia dụng quá là khó khăn nên tôi đã tìm đến các cửa hàng đồ cũ.

Để việc học tiếng Nhật trở nên thú vị hơn, tôi khuyên bạn hãy học qua phim hoạt hình hoặc truyện tranh. Tuy nhiên, để nâng cao khả năng viết văn, tiểu luận, phỏng vấn bạn cần học cách sử dụng ngữ pháp từ báo, tạp chí của Nhật.

Điều cấm kị ở Nhật là nói chuyện lớn tiếng ở nơi công cộng hoặc chen lấn không xếp hàng. Những nguyên tắc ứng xử nơi công cộng của Nhật rất khắt khe.

THỦ TỤC NHẬP CẢNH

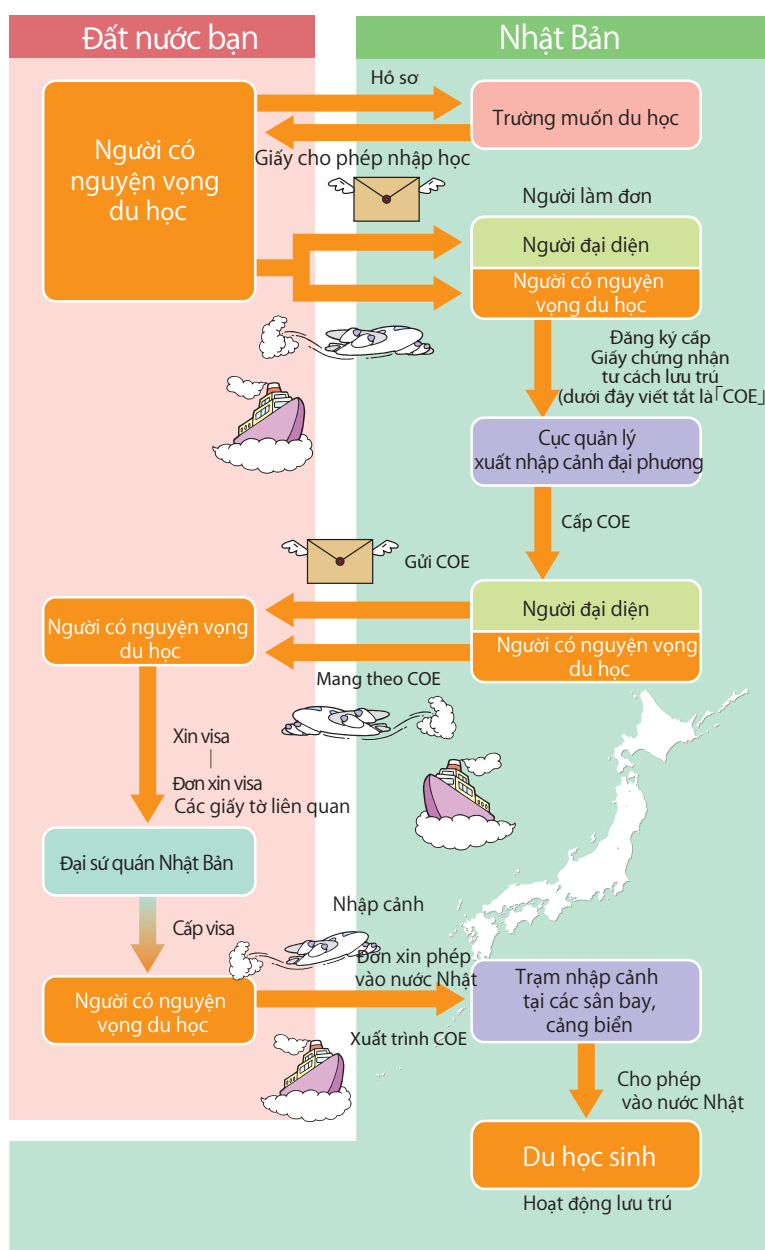
Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Tư pháp ⓘ <http://www.immi-moj.go.jp/>

Tư cách lưu trú của bạn là gì?

Tư cách lưu trú được quyết định dựa vào các hoạt động mà người nước ngoài có thể thực hiện được ở Nhật hoặc thân phận, địa vị của họ. Tư cách lưu trú để học ở các trường đại học, cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp, trường dạy nghề, cơ sở giáo dục tiếng Nhật của Nhật là “du học”. Thời gian lưu trú là 4 năm 3 tháng, 4 năm, 3 năm 3 tháng, 3 năm, 2 năm 3 tháng, 2 năm, 1 năm 3 tháng, 1 năm, 6 tháng hoặc 3 tháng.

⚠ Nhiều trường hợp khi đăng ký học bổng hay đăng ký nhà ở bạn phải có tư cách lưu trú là “du học”.

【Cách thức tiến hành thủ tục nhập cảnh khi có Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)】



● Thủ tục xin cấp visa

Để nhập cảnh vào Nhật Bản, bạn phải được cấp visa trước. Để xin visa có 2 cách đó là xuất trình “Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)” và không xuất trình.

Nếu xuất trình “Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)” thì thời gian làm thủ tục cấp phép sẽ nhanh hơn.

● Xin cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)

Người có nguyện vọng du học (người làm đơn) hoặc người đại diện (ví dụ như người thân của người làm đơn hoặc nhân viên của cơ sở giáo dục tiếp nhận du học sinh) sẽ làm đơn gửi lên Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương trong nước Nhật để xin cấp “Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)”.

Người có nguyện vọng du học có thể trực tiếp làm đơn xin cấp nhưng phần lớn nhân viên của cơ sở giáo dục tiếp nhận du học sinh sẽ đại diện làm việc này. Hãy hỏi trường bạn sẽ nhập học để biết rõ về giấy tờ cần thiết.

● Giấy tờ chứng minh năng lực chi trả kinh phí để sống ở Nhật

Khi xin cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú hoặc visa, có những trường hợp yêu cầu phải nộp giấy tờ chứng minh bạn đã chuẩn bị đủ kinh phí cho những phát sinh trong thời gian du học tại Nhật.

Thông thường, cần những giấy tờ như: Giấy chứng nhận số dư tiền gửi ngân hàng, Giấy chứng nhận thu nhập của các năm trước, Giấy chứng nhận nộp thuế v.v. Trường hợp người nước ngoài có nguyện vọng du học nhưng tự mình không thể chi trả các khoản kinh phí, thông thường người giám hộ sẽ trở thành người bảo lãnh kinh tế.

● Giấy tờ cần thiết xin cấp visa

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE), bạn sẽ làm thủ tục xin cấp visa tại Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước ngoài ở nước bạn.

- 【Giấy tờ cần thiết】
- ① Hộ chiếu (Passport)
 - ② Đơn xin cấp visa
 - ③ Ảnh
 - ④ Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)
 - ⑤ Giấy tờ khác trong trường hợp được yêu cầu xuất trình

● Nhập cảnh vào Nhật Bản

Khi nhập cảnh cần những giấy tờ sau:

- 【Giấy tờ cần thiết】
- ① Hộ chiếu (Passport)
 - ② Giấy phép do Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước ngoài cấp (Visa)
 - ③ Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) (Trường hợp đã được cấp)

● Thẻ cư trú

Trường hợp nhập cảnh ở sân bay Chitose mới, Narita, Haneda, Chubu, Kansai, Hiroshima, Fukuoka:

Khi làm thủ tục nhập cảnh sẽ được dán nhãn “được phép vào nước Nhật” vào hộ chiếu và được cấp Thẻ cư trú. Sau khi quyết định chỗ ở chính thức ở Nhật, trong vòng 14 ngày, bạn phải mang Thẻ cư trú đến trình báo tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống.

Trường hợp nhập cảnh không phải từ các sân bay trên:

Khi nhập cảnh, sẽ được dán nhãn “được phép vào nước Nhật” hoặc được đóng dấu “Thẻ cư trú cấp sau” vào hộ chiếu. Sau khi quyết định chỗ ở chính thức, trong vòng 14 ngày, bạn phải mang hộ chiếu đã được đóng dấu “Thẻ cư trú cấp sau” tới trình báo tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống. Thẻ cư trú sau khi nộp cho cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống, sẽ được gửi trả lại bằng đường bưu điện cho bạn theo địa chỉ cư trú mà bạn đã đăng ký.



Thẻ cư trú

● My Number (Mã số thuế và bảo hiểm xã hội)

Khi đăng ký là cư dân tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống, dù là người nước ngoài, bạn vẫn sẽ được gửi thẻ thông báo mã số cá nhân (My Number). Một My Number chỉ được cấp cho 1 người và cần khi làm thủ tục tại các cơ quan chính quyền. Thẻ gồm 12 số, khác với 12 số ghi trên Thẻ cư trú.

My Number được yêu cầu xuất trình trong những trường hợp dưới đây, hãy cất giữ cẩn thận “Thẻ thông báo mã số” và “Thẻ cá nhân” vì có ghi mã số cá nhân trên đó.

- Khi làm thủ tục tại các cơ quan chính quyền
- Khi làm thêm



Thẻ thông báo mã số

● Thủ tục sang Nhật dự thi

Trường hợp đến Nhật để dự thi, trước khi sang Nhật, cần mang Phiếu dự thi đến Cơ quan ngoại giao của Nhật ở nước ngoài để xin cấp visa “lưu trú ngắn hạn”. Thời gian có thể lưu trú là 30 ngày hoặc 90 ngày. Tuy nhiên, đối với các nước thuộc đối tượng được miễn visa thì bạn không cần làm thủ tục xin cấp visa.

● Giấy phép làm thêm

Tư cách lưu trú “du học” cho phép bạn đến Nhật để học tập chứ không phải làm việc. Tuy nhiên, khi bạn đi làm thủ tục và nhận được giấy phép làm thêm của Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương bạn có thể đi làm thêm. Ngoài ra, sau khi tốt nghiệp Sau đại học, đại học (khoa), cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp, trường dạy nghề bạn tiếp tục ở lại Nhật Bản với “tư cách lưu trú đặc biệt” để tìm việc chính thức, khi nhận được giấy phép làm thêm bạn vẫn có thể đi làm thêm.

● Thủ tục về nước tạm thời

Người nước ngoài ở Nhật Bản trong thời gian lưu trú, nếu muốn về nước một thời gian hoặc sang nước khác, nếu không xin giấy phép tái nhập cảnh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương trước khi rời khỏi Nhật Bản sẽ phải xin cấp lại visa tại Cơ quan ngoại giao của Nhật Bản tại nước ngoài, vì thế hãy lưu ý. Tuy nhiên, những người cư trú thời gian dài có hộ chiếu (passport) còn hiệu lực và Thẻ cư trú, khi rời Nhật Bản và có ý định quay trở lại trong vòng 1 năm kể từ ngày xuất cảnh về nguyên tắc không cần xin phép tái nhập cảnh (thời hạn lưu trú của người đó dưới 1 năm thì được phép tái nhập cảnh theo thời hạn lưu trú).



Trước khi rời khỏi Nhật Bản, nhất định phải xuất trình Thẻ cư trú và đánh dấu vào cột Thẻ ED dùng để tái xuất nhập cảnh.

Thẻ ED dùng để tái xuất nhập cảnh



● Gia hạn thời gian lưu trú

Khi muốn ở lại Nhật Bản quá thời gian lưu trú được cho phép khi nhập cảnh, phải xin phép gia hạn thời gian lưu trú tại Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương. Nếu quá thời gian lưu trú (thông thường cần nộp đơn xin gia hạn trước khi hết hạn lưu trú khoảng 3 tháng) sẽ bị coi là lưu trú bất hợp pháp và sẽ bị xử phạt hoặc trục xuất về nước.

● Thay đổi tư cách lưu trú

Khi kết thúc hoạt động hiện tại và muốn tiến hành các hoạt động với tư cách lưu trú khác, phải nhận được sự cho phép thay đổi tư cách lưu trú tại Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương.



Nếu tiến hành các công việc phát sinh thu nhập hoặc các hoạt động nhận được tiền công mà không có sự cho phép, sẽ bị xử phạt hoặc trục xuất về nước.

● Tước bỏ tư cách lưu trú

Người làm giả sơ yếu lý lịch, giấy tờ giả sẽ bị tước bỏ tư cách lưu trú.



Mặc dù có tư cách lưu trú “du học” nhưng không tiến hành các hoạt động tương ứng với tư cách lưu trú đó 3 tháng trở lên ví dụ như không đi đến trường học v.v. sẽ bị tước bỏ tư cách lưu trú trừ trường hợp có lý do chính đáng.

● Mời người thân sang Nhật

Vợ (chồng) hoặc con cái nếu nhận được sự bảo lãnh của người có tư cách lưu trú “du học”, đang học tại các trường đại học, cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp, trường dạy nghề, khóa đào tạo dự bị v.v có thể lưu trú tại Nhật với tư cách “lưu trú gia đình”.

Thời gian lưu trú tương ứng với thời gian lưu trú của người bảo lãnh. Bản thân du học sinh khi đã quen với cuộc sống bên Nhật và chuẩn bị sẵn sàng bao gồm cả mặt kinh tế hãy mời người thân sang Nhật.



Bạn cần đặc biệt lưu ý nếu người thân của bạn sang Nhật với visa “lưu trú ngắn hạn (Temporary visitor)” (hay còn gọi là “visa du lịch”) thì khó chuyển đổi sang tư cách lưu trú “lưu trú gia đình (Dependent)”.

● Xin phép Cục quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan của chính quyền địa phương

Trường hợp thay đổi tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quốc tịch hoặc chuyển nơi học tập như chuyển sang trường khác v.v trong vòng 14 ngày phải nộp đơn lên Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương. Ngoài ra, nếu thay đổi nơi ở cần nộp đơn cho cơ quan của chính quyền địa phương.



HỌC PHÍ

Học phí các trường đại học của Nhật không cao so với các nước như Mỹ hay Anh.

Ngoài ra, so với các nước khác, chế độ học bổng, chế độ miễn hoặc miễn giảm học phí cũng nhiều hơn.

Học phí năm đầu bao gồm phí nhập học, tiền học, tiền trang thiết bị, cơ sở vật chất v. v. Ngoài ra, phí nhập học chỉ cần đóng trong năm đầu.

Học phí trung bình của năm đầu

(1 Đô la Mỹ = 114 Yên)

● Sau đại học

Sau đại học			Học phí	Phí nhập học		Tổng cộng		
			Yên	Đô la Mỹ	Yên	Đô la Mỹ	Yên	Đô la Mỹ
Quốc lập			535,800	4,700	282,000	2,474	817,800	7,174
Công lập			537,856	4,718	362,392	3,179	900,248	7,897
Tư lập	Khoa học Thạc sĩ	Nghệ thuật	1,217,437	10,679	225,089	1,974	1,442,526	12,654
		Công nghệ	953,229	8,362	224,301	1,968	1,177,530	10,329
		Sức khỏe	889,263	7,801	250,675	2,199	1,139,938	9,999
		Khoa học tự nhiên	833,017	7,307	213,951	1,877	1,046,968	9,184
		Nông nghiệp, Thú y	781,229	6,853	222,787	1,954	1,004,016	8,807
		Dược	754,132	6,615	229,639	2,014	983,771	8,630
		Kinh tế gia đình	724,972	6,359	239,643	2,102	964,615	8,462
		Giáo dục	741,105	6,501	207,014	1,816	948,119	8,317
		Khoa học xã hội	684,735	6,006	222,294	1,950	907,029	7,956
		Y học	663,835	5,823	208,899	1,832	872,734	7,656
	Khoa học nhân văn	645,782	5,665	211,883	1,859	857,665	7,523	
	Khoa học Tiến sĩ	Nghệ thuật	1,100,481	9,653	227,752	1,998	1,328,233	11,651
		Sức khỏe	782,866	6,867	253,665	2,225	1,036,531	9,092
		Khoa học tự nhiên	793,512	6,961	223,650	1,962	1,017,162	8,922
		Nông nghiệp, Thú y	783,913	6,876	220,853	1,937	1,004,766	8,814
		Công nghệ	786,853	6,902	214,182	1,879	1,001,035	8,781
		Tài chính gia đình	720,909	6,324	240,309	2,108	961,218	8,432
		Y học	709,250	6,221	195,977	1,719	905,227	7,941
		Giáo dục	681,025	5,974	214,912	1,885	895,937	7,859
		Nha khoa	648,326	5,687	232,075	2,036	880,401	7,723
Khoa học xã hội		612,383	5,372	214,148	1,878	826,531	7,250	
Khoa học nhân văn	584,596	5,128	219,107	1,922	803,703	7,050		
Y học	521,091	4,571	182,991	1,605	704,082	6,176		

Nguồn: Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ

※ Phí nhập học của các trường công lập nằm ngoài phạm vi

● Đại học (Khoa)

Đại học (Khoa)		Học phí		Phí nhập học		Tổng cộng	
		Yên	Đô la Mỹ	Yên	Đô la Mỹ	Yên	Đô la Mỹ
Quốc lập		535,800	4,700	282,000	2,474	817,800	7,174
Công lập		537,809	4,718	393,426	3,451	931,235	8,169
Tư lập	Y khoa	3,561,941	31,245	1,299,019	11,395	4,860,960	42,640
	Nha khoa	3,579,981	31,403	608,764	5,340	4,188,745	36,743
	Dược	1,714,920	15,043	349,116	3,062	2,064,036	18,106
	Nghệ thuật	1,390,960	12,201	260,300	2,283	1,651,260	14,485
	Sức khỏe	1,224,660	10,743	280,696	2,462	1,505,356	13,205
	Khoa học tự nhiên, Công nghệ	1,176,913	10,324	249,251	2,186	1,426,164	12,510
	Nông nghiệp, Thú y	1,105,817	9,700	253,383	2,223	1,359,200	11,923
	Thế dục	1,013,103	8,887	260,632	2,286	1,273,735	11,173
	Kinh tế gia đình	989,371	8,679	265,289	2,327	1,254,660	11,006
	Văn học, Giáo dục	930,145	8,159	246,294	2,160	1,176,439	10,320
	Phúc lợi xã hội	930,120	8,159	224,296	1,968	1,154,416	10,126
	Luật, Thương mại, Kinh tế	884,841	7,762	241,519	2,119	1,126,360	9,880
	Thần học, Phật giáo	873,190	7,660	234,574	2,058	1,107,764	9,717

Nguồn: Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ

※ Phí nhập học của các trường công lập nằm ngoài phạm vi.

● Cao đẳng

Cao đẳng		Học phí		Phí nhập học		Tổng cộng	
		Yên	Đô la Mỹ	Yên	Đô la Mỹ	Yên	Đô la Mỹ
Tư lập	Nghệ thuật	1,121,518	9,838	254,767	2,235	1,376,285	12,073
	Công nghệ	1,031,697	9,050	211,253	1,853	1,242,950	10,903
	Khoa học tự nhiên, Nông nghiệp	921,331	8,082	227,246	1,993	1,148,577	10,075
	Nhân văn	854,027	7,491	245,739	2,156	1,099,766	9,647
	Giáo dục, Mầm non	848,820	7,446	250,624	2,198	1,099,444	9,644
	Kinh tế gia đình	852,357	7,477	246,367	2,161	1,098,724	9,638
	Luật, Thương mại, Kinh tế, Xã hội	849,698	7,453	235,300	2,064	1,084,998	9,518
	Thể dục	804,858	7,060	238,571	2,093	1,043,429	9,153

Nguồn: Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ

● Trường kỹ thuật chuyên nghiệp

Trường Kỹ thuật chuyên nghiệp	Học phí		Phí nhập học		Tổng cộng	
	Yên	Đô la Mỹ	Yên	Đô la Mỹ	Yên	Đô la Mỹ
Quốc lập	234, 600	2,058	84,600	742	319,200	2,800

Nguồn:Hiệp hội các trường kỹ thuật chuyên nghiệp quốc lập

● Trường dạy nghề

Trường dạy nghề		Học phí		Phí nhập học		Tổng cộng	
		Yên	Đô la Mỹ	Yên	Đô la Mỹ	Yên	Đô la Mỹ
Tư lập	Vệ sinh	1,326,000	11,632	161,250	1,414	1,487,250	13,046
	Y tế	1,122,286	9,845	249,857	2,192	1,372,143	12,036
	Công nghiệp	1,072,667	9,409	190,000	1,667	1,262,667	11,076
	Nông nghiệp	1,041,000	9,132	180,000	1,579	1,221,000	10,711
	Giáo dục, Phúc lợi xã hội	1,008,250	8,844	151,250	1,327	1,159,500	10,171
	Thương nghiệp	995,750	8,735	147,222	1,291	1,142,972	10,026
	Văn hóa, Giáo dục	1,016,667	8,918	126,000	1,105	1,142,667	10,023
	May mặc, Kinh tế gia đình	857,000	7,518	185,000	1,623	1,042,000	9,140

Nguồn: Hiệp hội các Trường dạy nghề Tokyo ※ Số tiền trung bình các lớp học ban ngày của trường dạy nghề tư lập

● Cơ sở giáo dục tiếng Nhật

Đại học, Cao đẳng tư lập Khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh

	Học phí	
	Yên	Đô la Mỹ
Khóa học 1 năm	400,000 ~ 850,000	3,509 ~ 7,456
Khóa học 1 năm rưỡi	642,000 ~ 1,075,000	5,632 ~ 9,430
Khóa học 2 năm	932,000 ~ 1,280,000	8,175 ~ 11,228

Nguồn: Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản

Cơ sở giáo dục tiếng Nhật

	Học phí	
	Yên	Đô la Mỹ
Khóa học 1 năm	415,000 ~ 997,400	3,640 ~ 8,749
Khóa học 1 năm rưỡi	772,000 ~ 1,530,000	6,772 ~ 13,421
Khóa học 2 năm	1,006,000 ~ 2,000,000	8,825 ~ 17,544

Nguồn: Hiệp hội Chấn hưng Giáo dục tiếng Nhật

HỌC BỔNG

Nhật Bản có nhiều chế độ hỗ trợ chi phí cho du học sinh ví dụ như chế độ miễn hoặc giảm học phí, chế độ học bổng. Tuy nhiên cần lưu ý những điểm sau:

- Có nhiều học bổng được đăng ký sau khi nhập học.
- Hầu như không có học bổng có thể chi trả toàn bộ kinh phí du học.
- Làm thêm không thể chi trả được cả học phí và sinh hoạt phí.
- Hãy lập kế hoạch tài chính một cách cẩn thận trước khi sang Nhật.



Có nhiều học bổng dành cho du học sinh đưa ra điều kiện khi đăng ký là du học sinh đó cần có tư cách lưu trú “du học”. Đại đa số những người có quốc tịch Nhật Bản hoặc có tư cách lưu trú “lưu trú gia đình” không thuộc đối tượng được ứng tuyển.

Ngoài ra, tùy loại học bổng sẽ có những điều kiện ứng tuyển quy định về tuổi tác, quốc tịch, trường theo học tại Nhật Bản và lĩnh vực chuyên môn v.v.

Cách tìm hiểu thông tin học bổng

Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO)

 http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/scholarships/index.html

1 Tìm hiểu chế độ của trường có nguyện vọng du học

Nhiều trường có chế độ miễn hoặc giảm phí nhập học, học phí tương ứng với thành tích và thu nhập của sinh viên. Trước tiên, hãy thử tìm hiểu xem trường bạn có nguyện vọng du học có chế độ miễn, miễn giảm học phí và có học bổng không.

Có thể tra cứu thông tin học bổng riêng của các trường trên trang web của JASSO.

Ví dụ, trước khi sang Nhật, hãy tra cứu xem có thể nhận được học bổng không, có nhận được thông báo của trường không.

2 Tìm hiểu học bổng chính phủ Nhật Bản, học bổng của các tổ chức tư nhân

Bên cạnh học bổng riêng của các trường, còn có rất nhiều học bổng khác. Trong cuốn “Sổ tay học bổng du học Nhật Bản” có đăng tải thông tin học bổng sau:

- Học bổng chính phủ Nhật Bản (Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ)
- Học bổng của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO)
- Học bổng của chính quyền địa phương, các tổ chức giao lưu quốc tế liên quan
- Học bổng của các tổ chức tư nhân
- Học bổng có thể đăng ký trước khi sang Nhật

Sổ tay học bổng du học Nhật Bản (bản tiếng Nhật, tiếng Anh)

※ Không phải tất cả thông tin học bổng ở Nhật đều được đăng trong cuốn sổ tay này.

Tác giả: Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO)

 http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/scholarships/brochure.html

Có thể tìm thông tin học bổng từ trang web sau:

JAPAN STUDY SUPPORT  <http://www.jpss.jp/ja/scholarship/>

3 Tìm hiểu thông tin chi tiết về học bổng của chính phủ Nhật Bản

Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ. Hướng dẫn được đăng tải trên trang web của Cơ quan ngoại giao Nhật Bản ở nước ngoài.

Thông tin về học bổng của chính phủ Nhật Bản (Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ) được đăng trong cuốn “Sổ tay học bổng du học Nhật Bản”, ngoài ra giới thiệu chung về chế độ và đề thi của các năm trước cũng được đăng trong cuốn “Hướng dẫn thông tin tổng hợp về du học Nhật Bản”.

Hướng dẫn thông tin tổng hợp về du học Nhật Bản

 <http://www.studyjapan.go.jp/jp/toj/toj0302j.html>

4 Ngoài những học bổng trên, hãy thử tìm hiểu học bổng của chính phủ nước bạn hay của các tổ chức thế giới như Ngân hàng thế giới



Học bổng đăng ký trước khi sang Nhật

1 Học bổng chính phủ Nhật Bản (Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ)

Liên hệ: Cơ quan ngoại giao của Nhật ở nước ngoài, Trường đang theo học tại nước nhà

※ Ở một số nước, cơ quan chính phủ của quốc gia đó trở thành đầu mối học bổng chính phủ Nhật Bản.

Đối tượng	Số tiền cấp hàng tháng (Thực nhận năm 2016)		(Tham khảo)
Du học sinh chương trình Lãnh đạo trẻ (YLP)	242,000 Yên		Khoảng 2,123 Đô la Mỹ
Du học sinh nghiên cứu	Không chính quy	143,000 Yên	Khoảng 1,254 Đô la Mỹ
	Khóa học Thạc sĩ	144,000 Yên	Khoảng 1,263 Đô la Mỹ
	Khóa học Tiến sĩ	145,000 Yên	Khoảng 1,272 Đô la Mỹ
Du học sinh ngành giáo dục	143,000 Yên		Khoảng 1,254 Đô la Mỹ
Du học trường đại học (khoa)/ Du học sinh trường kỹ thuật chuyên nghiệp/ Du học sinh trường dạy nghề/ Du học sinh tiếng Nhật, nghiên cứu văn hóa Nhật	117,000 Yên		Khoảng 1,206 Đô la Mỹ

※ Có tăng thêm số tiền học bổng tùy từng khu vực học tập, nghiên cứu.

2 Học bổng khuyến học dành cho du học sinh nước ngoài của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (Chế độ thúc đẩy tiếp nhận du học sinh)

Đây là học bổng dành cho du học sinh từ nước ngoài đạt thành tích xuất sắc trong Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) và nhập học với tư cách sinh viên chính quy vào các trường đại học (khoa), cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp (từ năm 3 trở lên) hoặc khóa chuyên ngành trường dạy nghề của Nhật Bản.

Liên hệ: Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO)

http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/scholarships/shoureihi/yoyakuseido/index.html

Số tiền cấp hàng tháng (Năm 2017): 48,000 JPY (khoảng 410USD)

3 Học bổng hỗ trợ du học sinh nước ngoài (tiếp nhận theo hiệp định)

Đối tượng là du học sinh nước ngoài có thời gian du học từ 8 ngày tới 1 năm theo hiệp định giao lưu giữa các trường đại học.

Liên hệ: Trường trong nước đang theo học

Số tiền cấp hàng tháng (năm 2017): 80,000 JPY (khoảng 702 USD)

4 Học bổng riêng của từng trường, chế độ miễn và miễn giảm học phí

Sẽ có hướng dẫn từ các trường nên hãy đăng ký theo hướng dẫn đó.

5 Học bổng của chính quyền địa phương, tổ chức tư nhân

Hầu hết trong các trường hợp, du học sinh sẽ trực tiếp đăng ký với tổ chức cấp học bổng. Cũng có trường hợp đăng ký thông qua trường định theo học sau khi quyết định nhập học.

Học bổng đăng ký khi đến Nhật

1 Học bổng chính phủ Nhật Bản (Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ)

Liên hệ: Trường theo học ở Nhật Bản

Đối tượng	Số tiền cấp hàng tháng (Thực nhận năm 2016)		(Tham khảo)
Du học sinh nghiên cứu	Khóa học Thạc sĩ	144,000 Yên	Khoảng 1,263 Đô la Mỹ
	Khóa học Tiến sĩ	145.000 Yên	Khoảng 1.272 Đô la Mỹ

※ Có tăng thêm số tiền học bổng tùy từng khu vực học tập, nghiên cứu.

※ Có trường hợp không tuyển sinh do tình hình ngân sách.

2 Học bổng khuyến học dành cho du học sinh nước ngoài của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (Chương trình thúc đẩy tiếp nhận du học sinh)

Liên hệ: Trường theo học ở Nhật Bản

Đối tượng	Số tiền cấp hàng tháng (Thực nhận năm 2017)	(Tham khảo)
Sau đại học (Khóa học Thạc sĩ, Khóa học Tiến sĩ)/ Nghiên cứu sinh (Sau đại học)/ Đại học (Khoa)/ Cao đẳng/ Trường Kỹ thuật chuyên nghiệp (năm 3 trở lên)/ Khoa chuyên môn trường dạy nghề/ Khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh/ Khoa chuyên ngành/ Khóa đào tạo dự bị Cơ sở giáo dục tiếng Nhật	48,000 Yên	Khoảng 421 Đô la Mỹ
	30,000 Yên	Khoảng 263 Đô la Mỹ

3 Học bổng riêng của từng trường, chế độ miễn, miễn giảm học phí

Liên hệ: Trường theo học ở Nhật Bản

4 Học bổng của chính quyền địa phương, tổ chức tư nhân

Liên hệ: Trường theo học ở Nhật Bản hoặc các tổ chức cấp học bổng

Đối với học bổng dành cho du học sinh, học bổng đăng ký từ sau khi sang Nhật nhiều hơn học bổng có thể đăng ký trước khi sang Nhật. Nhiều trường hợp du học sinh đăng ký thông qua trường đang theo học.

CHI PHÍ SINH HOẠT, GIÁ CẢ

Tiền tệ và giá cả

Đơn vị tiền tệ của Nhật là Yên. Có thể thanh toán bằng thẻ tín dụng tại một số cửa hàng nhưng ở Nhật, việc trả bằng tiền mặt phổ biến hơn cả.

Séc ít được sử dụng trong các chi trả thường ngày ở Nhật.



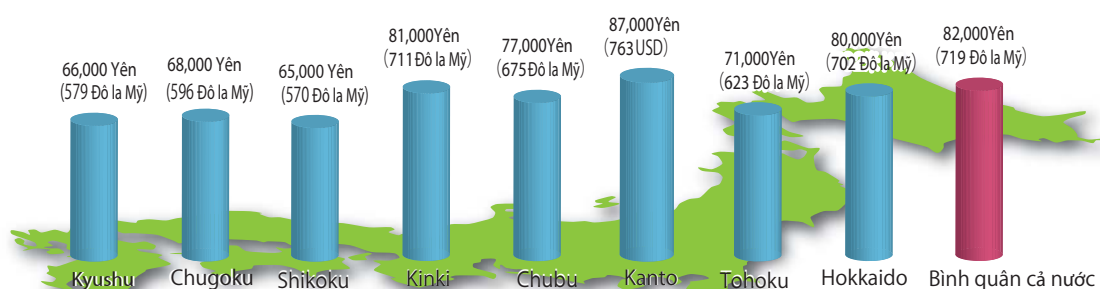
Giá cả của các hàng hóa thiết yếu

Gạo (5kg)	2,086 Yên	(18 Đô la Mỹ)	Nước uống có ga (lon 500ml)	96 Yên	(1 Đô la Mỹ)
Bánh mì (1kg)	436 Yên	(4 Đô la Mỹ)	Hamburger	175 Yên	(2 Đô la Mỹ)
Sữa (1000ml)	225 Yên	(2 Đô la Mỹ)	Xăng (1l)	124 Yên	(1 Đô la Mỹ)
Trứng (10 quả)	246 Yên	(2 Đô la Mỹ)	Giấy vệ sinh (12 cuộn)	281 Yên	(3 Đô la Mỹ)
Táo (1 kg)	561 Yên	(5 Đô la Mỹ)	Vé xem phim	1,800 Yên	(16 Đô la Mỹ)
Bắp cải (1 kg)	363 Yên	(3 Đô la Mỹ)	Taxi (4km)	1,450 Yên	(13 Đô la Mỹ)

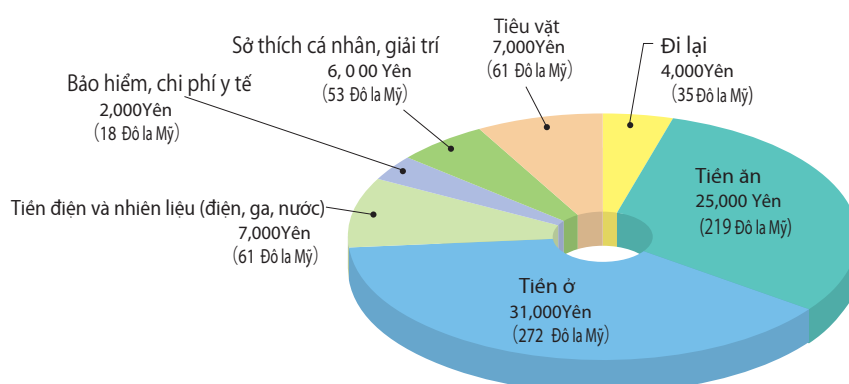
Nguồn: "Thông tin tổng hợp Cục thống kê chính phủ"

Chi phí sinh hoạt

Chi phí sinh hoạt trong 1 tháng (không bao gồm học phí) của một du học sinh nước ngoài được liệt kê như biểu đồ dưới đây.



Chi tiết các khoản chi tiêu trong 1 tháng (không bao gồm học phí) (Bình quân cả nước)



Nguồn: "Điều tra tình hình sinh hoạt của du học sinh tự phí nước ngoài năm 2015" (JASSO) ※
※ 1 USD = 114 JPY

KINH PHÍ CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI DU HỌC

Kinh phí chuẩn bị trước khi du học bao gồm những kinh phí gì?

Kinh phí cần thiết trước khi quyết định du học

Kinh phí cần thiết trước khi nộp hồ sơ

- Phí dự thi EJU, JLPT, TOEFL v.v
- Phí xét tuyển nhập học của trường có nguyện vọng du học
- Phí khám sức khỏe tùy từng trường, cần nộp Giấy khám sức khỏe khi nộp hồ sơ hoặc trước khi nhập học
- Phí gửi hồ sơ tùy từng trường, phải gửi hồ sơ dự thi bằng đường bưu điện nên sẽ mất phí chuyển phát như EMS v.v.

Kinh phí dự thi

- Vé máy bay và tiền trọ Trường hợp không tổ chức thi đầu vào trước khi sang Nhật cần phải sang Nhật để dự thi. Ngoài ra sẽ phát sinh chi phí đi lại từ sân bay đến nơi trọ, từ nơi trọ đến địa điểm thi.

Kinh phí cần thiết sau khi quyết định nhập học

Học phí

- Phí nhập học
- Học phí năm đầu tiên

Kinh phí để sang Nhật

- Vé máy bay
- Tiền trọ ví dụ phí trọ khách sạn cho tới khi quyết định được chỗ ở chính thức

Kinh phí cần thiết sau khi đến Nhật

Kinh phí để bắt đầu cuộc sống ở Nhật

- Phí nhà ở Nếu sống ở căn hộ, cần chuẩn bị khoảng nửa năm tiền nhà khi ký hợp đồng
- Phí liên lạc Ví dụ như mua điện thoại di động

Kinh phí cần thiết khi bắt đầu đi học

- Tiền giáo trìnhCần xác nhận với trường xem tiền giáo trình đã bao gồm trong học phí chưa hay phải đóng riêng.
- Chi phí đi lại để đến trường
- Các chi phí cần thiết cho sinh hoạt khác Ví dụ như tiền ăn uống

Kinh phí khác

- Phí gửi tiền ra nước ngoài khi gửi tiền học phí từ các nước khác sang Nhật sẽ phát sinh chi phí chuyển tiền.
- Phí làm Passport (Hộ chiếu) cần có hộ chiếu để sang Nhật.
- Phí xin visa

LÀM THÊM

Khoảng 75% du học sinh tự phí đi làm thêm. Khoản tiền trung bình nhận được 1 tháng là 50,000 Yên (439 Đô la Mỹ). Du học sinh là sinh viên đến Nhật để học. Không thể chi trả toàn bộ học phí và sinh hoạt phí chỉ bằng tiền làm thêm. Vì vậy hãy lập kế hoạch tài chính để không phụ thuộc vào việc làm thêm. Sau khi được Cục quản lý xuất nhập cảnh gần nhất cấp giấy phép làm thêm, có thể làm thêm theo những điều kiện dưới đây:

1. Không làm ảnh hưởng tới việc học.
2. Làm thêm với mục đích bổ sung thêm chi phí cần thiết cho việc học và sinh hoạt tại Nhật Bản, không với mục đích tiết kiệm hoặc kiếm tiền gửi về nước.
3. Không làm công việc kinh doanh giải trí dành cho người lớn ※ Những việc bị pháp luật cấm.
4. Thời gian làm thêm không quá 28 tiếng trong 1 tuần (trong thời gian nghỉ lễ dài có thể làm 8 tiếng 1 ngày).
5. Làm thêm trong thời gian đang theo học tại các cơ sở giáo dục.

※ Những người mới nhập cảnh có tư cách lưu trú “du học” trên 3 tháng có thể xin cấp giấy phép làm thêm tại các sân bay khi nhập cảnh vào Nhật
※ Nếu đi làm mà không được cho phép, hoặc làm quá thời gian, nội dung công việc cho phép sẽ bị xử phạt hoặc trục xuất về nước.



Hàng năm đều có du học sinh do làm thêm mà lơ là việc học, không đủ điểm chuyên cần dẫn đến không xin gia hạn được visa và phải về nước. Mọi người hãy hết sức lưu ý điều này.



<Loại công việc nhiều du học sinh làm thêm (Câu hỏi có nhiều câu trả lời)>

	Loại công việc	Tỷ lệ
1	Ẩm thực	45.7%
2	Kinh doanh, bán hàng	24.7%
3	Giảng dạy, trợ giúp nghiên cứu	6.9%
4	Biên phiên dịch	6.8%
5	Giáo viên ngôn ngữ	6.5%
6	Don dẹp	5.1%
7	Lễ tân khách sạn, bồi bàn	5.0%
8	Gia sư	4.6%

Nguồn: “Điều tra tình hình sinh hoạt của du học sinh tự phí nước ngoài năm 2015” (JASSO)

(Tiền lương theo giờ)

Tiền lương theo giờ	Tỷ lệ
Dưới 800 Yên	9.3%
800 ~ dưới 1,000	50.1%
1,000 ~ dưới 1,200 Yên	30.7%
1,200 ~ dưới 1,400 Yên	4.4%
Trên 1,400 Yên	4.5%
Không rõ	1.0%

Cảnh giác trước những công ty du học lừa đảo khẳng định “có thể kiếm tiền trong thời gian du học ở Nhật”



Những năm gần đây, một số công ty tư vấn du học lừa đảo đã đăng thông tin sai sự thật (thông tin tuyển sinh du học Nhật Bản) như dưới đây lên các trang web nhằm lừa đảo lấy tiền môi giới cao, vì vậy mọi người hãy hết sức cẩn thận.

Sai! “Mặc dù đi học nhưng 1 tháng đi làm thêm vẫn kiếm được 300,000 Yên (2,600 Đô la Mỹ). → Không thể kiếm được

Sai! “Tiền công 1 giờ làm thêm là 3,000 Yên (26 Đô la Mỹ)” → Tiền công theo giờ thông thường là 900 Yên (8 Đô la Mỹ)”

Sai! “Khi đi du học, số tiền bạn kiếm được từ làm thêm có thể trả tiền học phí và sinh hoạt phí, ngoài ra còn có thể gửi tiền về nước.” → Không thể

NHÀ Ở

Chính quyền địa phương và trường học có ký túc xá dành cho sinh viên nhưng 75% du học sinh thuê trọ nhà dân hoặc ở các căn hộ cho thuê.

Ký túc xá

Ưu điểm

- Tiết kiệm chi phí
- Có thể làm quen với nhiều sinh viên khác
- Không cần tự mình mua thêm các thiết bị điện gia dụng v.v.

Nhược điểm

- Số lượng phòng có hạn nên không phải ai muốn đều có thể ở ký túc xá
- Có quy định về giờ đóng cửa hoặc giờ thức giấc
- Dùng chung nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm



Ngay khi nhận giấy báo đó, hãy thu thập những thông tin về nhà ở nhé



Căn hộ cho thuê

Ưu điểm

- Có thể sinh hoạt theo cách mình thích.
- Rèn luyện tính tự lập.
- Nhận thức được giá trị của đồng tiền.

Nhược điểm

- Tốn nhiều chi phí.
Phải trả tiền đặt cọc (vài tháng tiền nhà, cũng có nhiều nơi gọi là tiền bảo đảm), tiền cảm ơn, chi phí giới thiệu v.v Hầu hết các chi phí này đều phải trả trước.
- Thủ tục phức tạp.
Phải ký hợp đồng với chủ nhà hoặc công ty bất động sản.
- Phải tự mua sắm đồ nội thất, thiết bị điện gia dụng.

Người bảo lãnh liên đới là gì?

Ở Nhật, thông thường khi thuê nhà cần có “người bảo lãnh liên đới”.

Nếu bạn không trả tiền nhà đúng hạn, làm hỏng các thiết bị trong phòng nhưng không đến tiền sửa chữa v.v. chủ nhà sẽ yêu cầu “người bảo lãnh liên đới” trả. Vì du học sinh có ít người quen bên Nhật nên có cơ chế chấp nhận người bảo lãnh liên đới là những người làm trong trường học (cơ quan, giảng viên, nhân viên).

※Đền bù thiệt hại về nhà ở cho du học sinh (Comprehensive Renters' Insurance for Foreign Students Studying in Japan)

Là chế độ được quản lý bởi Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản, nhằm chuẩn bị ứng phó cho trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn mà không làm phiền tới người bảo lãnh. Hãy hỏi trường nơi bạn định nhập học hoặc đang theo học để biết xem có thể sử dụng chế độ này hay không.

Thu thập thông tin

- Phòng phụ trách du học sinh của trường
- Internet, báo
- Các công ty bất động sản tại khu vực mình muốn sống
Ngay sau khi nhận được thông báo trúng tuyển, hãy tìm hiểu thông tin về nơi ở ngay nhé!

Điểm quan trọng khi tìm nhà

- ☐ Tiền nhà, chi phí ban đầu?
- ☐ Khoảng cách và thời gian từ nhà tới trường?
- ☐ Diện tích phòng, các trang thiết bị?
- ☐ Sự tiện lợi của môi trường xung quanh (gần nhà ga, mua sắm dễ dàng không v.v)?

BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THIẾT HẠI

Bảo hiểm y tế

Nhật Bản có chế độ bảo hiểm để giảm bớt gánh nặng về chi phí y tế.

Người nước ngoài lưu trú ở Nhật trên 3 tháng phải tham gia “Bảo hiểm y tế toàn dân”.

■ Để tham gia bảo hiểm

Tiến hành thủ tục tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống.

■ Phí bảo hiểm

Thông thường khoảng 20,000 Yên/1 năm. Tuy nhiên, tùy theo từng khu vực cũng như thu nhập của bạn mức phí sẽ khác nhau. Đối với sinh viên, cũng có những khu vực có chế độ giảm hoặc hỗ trợ phí bảo hiểm, bạn nên hỏi thật kỹ.

■ Nội dung bảo hiểm

Khi bị thương hoặc ốm đau, nếu xuất trình thẻ bảo hiểm, cơ quan bảo hiểm nhà nước sẽ chi trả 70% tổng chi phí điều trị và 30% chi phí còn lại sẽ do cá nhân tự trả. Tuy nhiên, các chi phí y tế ngoài phạm vi áp dụng của bảo hiểm sẽ do cá nhân chi trả toàn bộ.

Bảo hiểm thiết hại

Du học sinh có thể tham gia Bảo hiểm thương tật và Bảo hiểm bồi thường cá nhân – hình thức bảo hiểm bồi thường thiệt hại liên quan tới tai nạn v.v mà Bảo hiểm y tế toàn dân không áp dụng.

Ví dụ, du học sinh được bồi thường trong những trường hợp dưới đây:

- Bị ngã gãy xương phải nhập viện
- Đi xe đạp va chạm với người đi bộ gây thương tích phải trả phí điều trị cho người bị hại
- Bị mất trộm máy tính, máy ảnh để trong phòng khi vắng nhà

Hãy thảo luận với nhà trường vì có rất nhiều hướng dẫn về các loại bảo hiểm.

Ngoài ra, còn có chế độ “Bảo hiểm tai nạn, thương tật, thiên tai trong khi nghiên cứu, học tập dành cho sinh viên” của Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản mà 96% các trường đại học đang tham gia. Bên cạnh đó cũng có chế độ “Inbound incidental academic total”.

i <http://www.jees.or.jp/gakkensai/>

Trong trường hợp đang theo học tại các trường đại học có thể tham gia chế độ bảo hiểm “Hỗ trợ toàn diện sinh viên”.

i <http://kyosai.univcoop.or.jp/>

THỰC TẬP (INTERSHIP), HOẠT ĐỘNG TÌM VIỆC

Thực tập

Là chế độ cho sinh viên trải nghiệm công việc liên quan tới chuyên ngành, nghề nghiệp tương lai tại các doanh nghiệp v.v khi còn đang theo học. Cũng có những trường coi đây là một môn học trong khóa đào tạo nhận được tín chỉ. Du học sinh cần xác nhận trực tiếp với trường xem có chế độ thực tập không và có công nhận tín chỉ không. Trường hợp nhận được lương khi thực tập, cần sự “cho phép hoạt động ngoài tư cách” nên hãy hết sức lưu ý.

■ Tư cách lưu trú của sinh viên đang học tại các trường Đại học ngoài nước Nhật nhưng thực tập ở Nhật.

Sinh viên đang học tại các trường Đại học ngoài nước Nhật nếu muốn nhập cảnh vào Nhật Bản để trải nghiệm làm việc theo hợp đồng hoặc cam kết với các doanh nghiệp Nhật như một phần của khóa đào tạo lấy tín chỉ của trường đại học đó sẽ có các tư cách lưu trú là “hoạt động động đặc biệt”, “hoạt động văn hóa” hoặc “lưu trú ngắn hạn” tùy vào thời gian lưu trú cũng như việc sinh viên có nhận lương thực tập hay không.

■ Dự án thúc đẩy quốc tế hóa thực tập Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp

Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp đang thực hiện dự án thúc đẩy thực tập tại các doanh nghiệp Nhật Bản dành cho nhân tài trẻ người nước ngoài.

Liên hệ: Phòng hợp tác kỹ thuật, Cục hợp tác kinh tế ngoại thương, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp TEL: (+81)3-3501-1937

Hoạt động tìm việc

Trường hợp du học sinh chưa tìm được việc làm cho đến khi tốt nghiệp, có thể tiếp tục hoạt động tìm việc thêm 1 năm sau khi tốt nghiệp bằng cách tiến hành thủ tục chuyển đổi tư cách lưu trú từ “du học” sang “hoạt động đặc biệt”. Thời gian lưu trú trong trường hợp này là 6 tháng, về nguyên tắc chỉ được gia hạn một lần.

Hãy liên hệ với Cục xuất nhập cảnh địa phương để biết thêm thông tin chi tiết về cách làm thủ tục.

■ Trên trang web của JASSO có mục trao đổi kinh nghiệm tìm việc và đăng tải thông tin các sự kiện liên quan tới tìm việc.

Hướng dẫn tìm việc cho du học sinh người nước ngoài (JASSO)

 http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/job/index.html

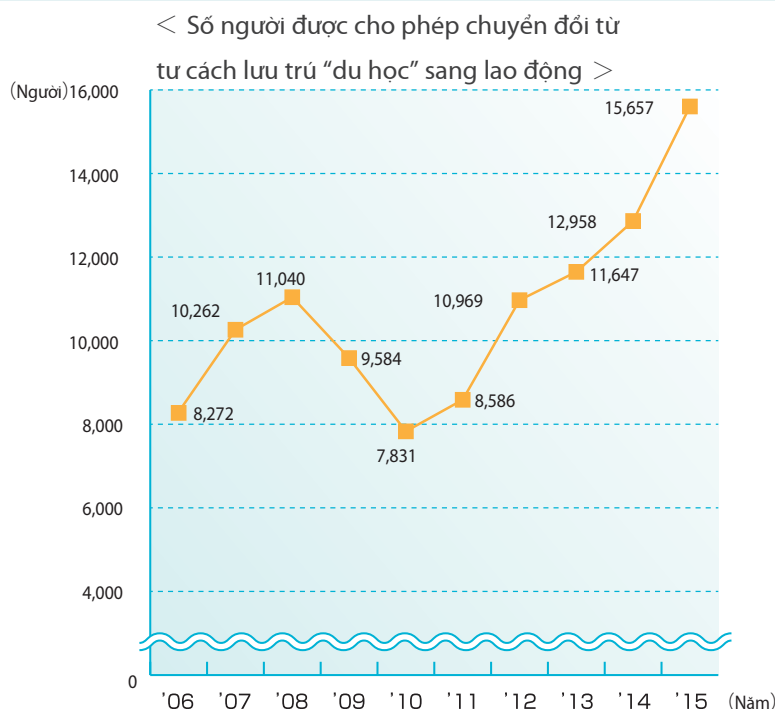
Japan Alumni eNews (JASSO)

 http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/enews/index.html

LÀM VIỆC TẠI NHẬT BẢN

Ngày càng có nhiều doanh nghiệp ở Nhật “muốn giữ chân nhân tài ưu tú bất kể quốc tịch”, “cần nhân tài am hiểu ngoại ngữ và tình hình nước ngoài”, “muốn tuyển dụng nhân tài có hoàn cảnh đa dạng”, chính vì vậy việc tuyển dụng du học sinh người nước ngoài cũng ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, tìm việc ở Nhật Bản đối với du học sinh không hề đơn giản.

Tình hình tuyển dụng du học sinh tại Nhật Bản



< Tỷ lệ cơ cấu chia thành ngành nghề (5 ngành đứng đầu) >

1 Thương mại, ngoại thương	21.1%
2 Máy tính	10.1%
3 Giáo dục	7.5%
4 Máy móc thiết bị điện	3.4%
5 Ăn uống	3.2%

< Lương khởi điểm (lương tháng) >

Dưới 200,000 Yên (khoảng 1,800 Đô la Mỹ)	31.0%
Dưới 250,000 Yên (khoảng 2,200 Đô la Mỹ)	49.5%
Dưới 300,000 Yên (khoảng 2,700 Đô la Mỹ)	11.0%
Dưới 350,000 Yên (khoảng 3,100 Đô la Mỹ)	2.9%
Trên 350,000 Yên (khoảng 3,100 Đô la Mỹ)	3.4%
Không rõ	2.2%

※ 1 USD = 114JPY

Nguồn: “Tình hình tìm việc của các du học sinh ở các doanh nghiệp Nhật Bản năm 2015” (Cục quản lý nhập cảnh, Bộ Tư pháp)

Chuyển đổi tư cách lưu trú

Du học sinh tìm việc tại Nhật Bản cần phải thay đổi tư cách lưu trú “du học” sang tư cách lưu trú có thể làm việc như “kỹ thuật, kiến thức nhân văn, nghiệp vụ quốc tế”.

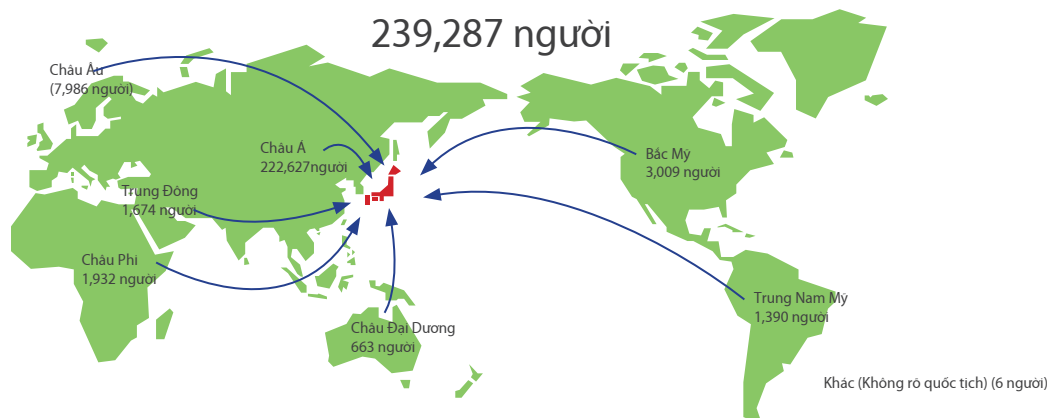
4 điểm quan trọng khi chuyển đổi tư cách lưu trú:

Trình độ học vấn	Tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp. Những người tốt nghiệp trường dạy nghề và nhận được “bằng chuyên ngành”
Nội dung công việc sẽ làm	Nội dung công việc có liên quan tới chuyên ngành hay không rất quan trọng. (Ví dụ) Trường hợp tuyển dụng người học về thiết kế thời trang làm kỹ sư máy tính sẽ rất khó chuyển đổi tư cách lưu trú.
Thủ lao	Bảo đảm thủ lao bằng hoặc cao hơn người Nhật
Tình hình thực tế của doanh nghiệp	Nền tảng kinh doanh, thành tích kinh doanh của doanh nghiệp ổn định v.v

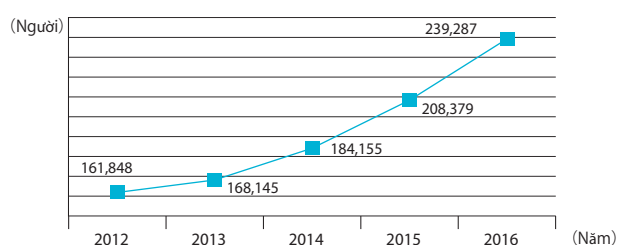
THỐNG KÊ

Số lượng du học sinh người nước ngoài ở Nhật

Tính tới ngày 1 tháng 5 năm 2016

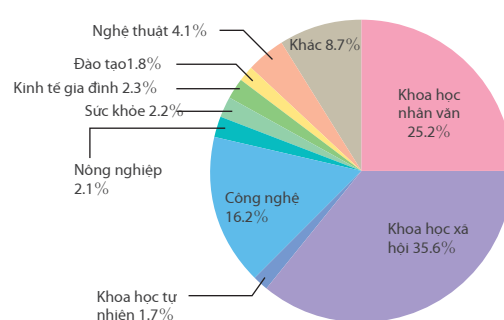


Sự thay đổi số lượng du học sinh nước ngoài qua các năm



Tại thời điểm ngày 1 tháng 5 hàng năm

Tỷ lệ du học sinh nước ngoài phân theo chuyên ngành (Cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông)



Số lượng du học sinh nước ngoài phân theo các giai đoạn học tập

Người

		Quốc lập	Công lập	Tư lập	Tổng cộng
Giai đoạn học tập	Sau đại học	27,153	1,928	14,397	43,478
	Đại học (Khoa)	11,481	1,670	59,078	72,229
	Cao đẳng	0	15	1,515	1,530
	Trường Kỹ thuật chuyên nghiệp	519	0	45	564
	Trường dạy nghề	0	12	50,223	50,235
	Khóa đào tạo dự bị			3,086	3,086
	Cơ sở giáo dục tiếng Nhật		27	68,138	68,165
	Tổng cộng	39,153	3,652	196,482	239,287

Nguồn: "Điều tra tình hình du học sinh nước ngoài năm 2016" (JASSO)
http://www.jasso.go.jp/about/statistics/intl_student_e/index.html

Số lượng các cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông

(Trường)

	Quốc lập	Công lập	Tư lập	Tổng cộng
Sau đại học	86	79	462	627
Đại học (Khoa)	82	89	585	756
Cao đẳng	0	17	324	341
Trường Kỹ thuật chuyên nghiệp	51	3	3	57
Trường dạy nghề	9	182	2,579	2,770

※ Bao gồm cả Đại học Mở Nhật Bản (The Open University of Japan)

Nguồn: Điều tra cơ bản về các trường năm 2016 (Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ)

※ Tính đến ngày 1/5/2016

TẬP HỢP THÔNG TIN

Các thông tin cơ bản về du học Nhật Bản



Trang web của JASSO

http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/index.html

Cung cấp các thông tin cơ bản về du học Nhật Bản

- Tra cứu các trường
- Thông tin học bổng
- Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)
- Triển lãm du học, buổi thuyết trình về du học do JASSO tổ chức

http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/event/index.html

- Văn phòng đại diện của JASSO ở nước ngoài (Indonesia, Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia, Việt Nam)
 - Thảo luận qua email, gặp mặt trực tiếp, điện thoại, thư.
 - Xem tài liệu hướng dẫn về trường, sổ tay giới thiệu trường, tài liệu tham khảo về du học Nhật Bản.
 - Cung cấp thông tin về các buổi thuyết trình về du học tại các nước ngoài Nhật Bản.

<http://www.jasso.go.jp/ryugaku/about/jeic/index.html>

- Các cơ sở đặt tài liệu xúc tiến du học Nhật Bản

Có thể xem sách giới thiệu của các cơ sở giáo dục của Nhật hoặc tài liệu liên quan tới du học Nhật Bản.

http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/sjrf/index.html

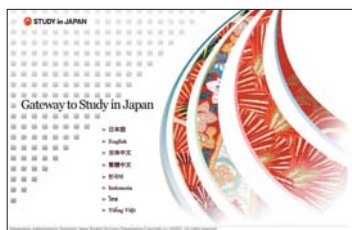


Bản tiếng Nhật



Bản tiếng Anh

Thông tin liên quan tới du học Nhật Bản



Cổng thông tin du học Nhật Bản—Gateway to Study in Japan—

<http://www.g-studyinJapan.jasso.go.jp/>



Study In Japan Hướng dẫn tổng hợp du học Nhật Bản

<http://www.studyJapan.go.jp/jp/index.html>

Thông tin quan trọng cho những người có nguyện vọng du học Nhật Bản, những người đang du học Nhật Bản, những người đã trở về nước.

- Học bổng chính phủ Nhật Bản
- Thông tin các sự kiện
- Hội cựu lưu học sinh
- Lời nhắn từ các cựu du học sinh



JAPAN STUDY SUPPORT

<http://www.jpss.jp/ja/>

Các thông tin dành cho du học sinh

- Tra cứu các trường
- Tra cứu học bổng
- Thông tin các kỳ thi nhập học
- Cuộc sống ở Nhật

Đại sứ quán, Lãnh sự quán Nhật Bản

Có thể nhận được thông tin du học Nhật Bản và học bổng chính phủ tại đây. Đây cũng là nơi tổ chức thảo luận về du học.

Danh sách các cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước ngoài (Bộ Ngoại giao)

<http://www.mofa.go.jp/mofaj/annai/zaigai/list/>

Sau đại học, Đại học, Cao đẳng

Tra cứu các trường (JASSO)	http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html
Tra cứu các trường (JAPAN STUDY SUPPORT)	http://www.jpss.jp/ja/

Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)

Trung tâm giao lưu quốc tế, Hiệp hội các trường kỹ thuật chuyên nghiệp quốc lập	http://ciex.kosen-k.go.jp/menuIndex.jsp?id=32333&menuid=7703&funcid=28
---	---

Trường dạy nghề

Tra cứu các trường dạy nghề (Hiệp hội các trường dạy nghề toàn quốc)	http://www.zensenkaku.gr.jp/association/index.html
Tra cứu các trường dạy nghề (Hiệp hội các trường dạy nghề Tokyo)	http://www.tsk.or.jp
Danh sách các trường dạy nghề tiếp nhận du học sinh (Hiệp hội đào tạo kỹ thuật và đào tạo nghề)	http://www.sgec.or.jp/ryuugakuguide/index.html

Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật

Tra cứu các cơ sở giáo dục tiếng Nhật (Hiệp hội Chấn hưng Giáo dục tiếng Nhật)	http://www.nisshinkyō.org/search/
Danh sách các khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh của các trường đại học, cao đẳng tư lập. "Khóa đào tạo dự bị" do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định	http://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/nihongokyouiku.html

Thông tin chính xác và mới nhất được đăng tải trên trang web mục "tài liệu hướng dẫn về trường", "hướng dẫn tuyển sinh".

Hãy kiểm tra thông tin mới nhất của các trường sẽ dự thi.



JASSO facebook



Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản hi vọng sẽ trở thành nơi cung cấp thông tin đầy đủ về du học Nhật Bản cho mọi người.

Pháp nhân hành chính độc lập-Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản Nhật Bản (JASSO) là tổ chức trực thuộc Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ.

Là cơ quan trung tâm dẫn đầu trong việc hỗ trợ sinh viên, tiến hành một cách tổng hợp các hoạt động cho vay học bổng hỗ trợ du học sinh và hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên. Mục đích là đào tạo nguồn nhân lực có tính sáng tạo cao, giàu tính nhân văn, gánh vác xã hội trong tương lai đồng thời tăng cường sự hiểu biết, giao lưu quốc tế.

1

Hoạt động cho vay học bổng

Tiến hành hoạt động cho vay học bổng dành cho sinh viên Nhật Bản có thành tích xuất sắc nhưng gặp khó khăn trong học tập vì lý do kinh tế.

Ngoài ra, chúng tôi cũng tiến hành hoàn thiện chế độ học bổng đáp ứng nhu cầu đa dạng của sinh viên, cải tiến thủ tục đăng ký, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan tới học bổng cũng như tiến hành thu hồi các khoản vay một cách hợp lý.

2

Hoạt động hỗ trợ du học sinh

Tiến hành các hoạt động cấp học bổng cho du học sinh, thực hiện các chương trình giao lưu giữa các du học sinh, cải tiến thủ tục nhập học dựa trên kỳ thi du học Nhật Bản v.v, thu thập và cung cấp thông tin liên quan tới du học

3

Hoạt động hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên

Tiến hành thu thập, phân tích và cung cấp thông tin về những hoạt động hữu ích liên quan tới hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên, đóng góp vào các hoạt động hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên do các trường đại học tổ chức.

Ngoài ra, thông qua các hoạt động thực tập, chúng tôi cũng góp phần hỗ trợ hoàn thiện các dịch vụ dành cho sinh viên các trường đại học v.v.



独立行政法人

日本学生支援機構

JASSO Japan Student Services Organization

Tokyo

TEL 03-5520-6111 FAX 03-5520-6121

〒135-8630 Aomi, Koto-ku, Tokyo, Japan 2-2-1

infoja@jasso.go.jp

Văn phòng đại diện ở nước ngoài

Trung tâm thông tin giao lưu giáo dục quốc tế Nhật Bản, JASSO

Indonesia TEL (+62) 21-252-1912

JASSO Japan Educational Information Center, Jakarta
Summitas Tower I, 2nd Floor, Jalan Jenderal
Sudirman KAV 61-62 Jakarta 12190 INDONESIA
info@jasso.or.id
<http://www.jasso.or.id/>
<https://www.facebook.com/jasso.indonesia>

Hàn Quốc TEL (+82) 2-765-0141

JASSO Japan Educational Information Center, Seoul
#702 Garden Tower, 84 Yulgok-ro, Jongno-gu,
Seoul 03131 REPUBLIC OF KOREA
jasso@jasso.or.kr
<http://www.jasso.or.kr/>
<https://www.facebook.com/JASSO.Korea>

Thái Lan TEL (+66) 2-661-7057

JASSO Japan Educational Information Center, Bangkok
10F Serm-mit Tower, 159 Asok-Montri Rd.,
Bangkok 10110 THAILAND
info@jeic-bangkok.org
<http://www.jeic-bangkok.org/>
<https://www.facebook.com/JASSO.Thailand>

Malaysia TEL (60) 3-2287-0812

JASSO Japan Educational Information Center, Kuala Lumpur
A-7-5, Northpoint Offices, Mid Valley City, No.1,
Medan Syed Putra Utara, 59200 Kuala Lumpur, MALAYSIA
enquiry@studyinJapan.org.my
<http://www.studyinJapan.org.my/>
<https://www.facebook.com/JASSO.Malaysia>

Việt Nam TEL (+84) 24-7305-1818

Văn phòng JASSO Việt Nam
Tầng 4, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh,
Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam,
info@jasso.org.vn
<http://www.jasso.org.vn/>
<https://www.facebook.com/JASSO.Vietnam>